1- A LA HÁN GẶP NẠN

Ngày xưa ở nước Kế Tân, Tây Vực, có một vị cao tăng tên gọi là Ly Việt, lúc trẻ xuất gia, ở trong hang động trên một đỉnh núi hoang vắng học đạo, công phu tu hành thiền định rất chuyên cần, chứng được quả A La Hán và lục thần thông. Vì thế nên người người xa gần biết tiếng, tìm đến xin bái ngài làm sư phụ.

Dưới sự chỉ dẫn khéo léo và từ bi của ngài, đệ tử ngài cũng chứng quả A La Hán rất mau, chứng quả xong họ phân tán khắp nơi để lo việc hoằng pháp.

Tuy ngài Ly Việt đã chứng thánh quả nhưng vẫn không ngừng tinh cần tu trì, rất ít khi nghỉ ngơi. Một hôm có chút giờ nhàn rỗi, ngài mới nhân đó dọn dẹp hang động, chợt thấy tấm y màu xám mà ngài thường mặc đã theo thời gian mà ngả sang màu bạc trắng.

Không biết tại sao hôm ấy ngài lại nổi hứng lên núi hái rễ cỏ và vỏ cây làm thuốc nhuộm rồi đem tấm y trăm mảnh ra nhuộm lại. Bỏ tấm y trong nồi thuốc nhuộm rồi, ngài dùng một nhánh dương liễu khuấy nước để trộn thuốc nhuộm cho đều, thì quái lạ thay, tấm y bỗng dưng biến thành một tấm da trâu! Chưa hết, thuốc nhuộm trong nồi đang đen như mực, bỗng biến thành màu đỏ như máu, và mấy cái rễ cỏ vỏ cây lại biến thành những miếng thịt trâu. Quái dị hơn nữa là mùi thịt trâu còn bốc ra từ cái nồi đang sôi, khiến ngài cứ trố mắt ra nhìn một cách kinh ngạc.

Đúng lúc ấy một người nông phu từ chân núi chạy lên, thấy ngay miếng thịt trâu trong nồi, bèn la hét giận dữ:

- A, ông thật là to gan! Hôm nay ông khai giới sát nên mới đem con trâu của tôi ra giết phải không! Sáng sớm tôi dắt trâu lên núi ăn cỏ, mấy phút sau không thấy nó nữa, đi tìm khắp nơi mà tìm không ra, may mà có mùi thịt dẫn đường nên tôi mới tìm được tới đây! Thì ra là ông, một kẻ xuất gia, đã ăn trộm con trâu của tôi đem ra làm thịt! Bây giờ ông có gì nói để tự biện hộ không? Đi! Đi với tôi đến gặp vua ngay!

Người nông phu nóng nảy không chịu nghe lời phân trần, lôi Ly Việt xềnh xệch đi đến gặp vua. Thời ấy không có toà án, không có pháp đình, dân chúng hễ có việc gì bất bình là kéo nhau đi gặp vua, nhờ vua phân xử.

Khi người nông phu kể lể hết sự tình cho vua nghe, vua bèn hỏi Ly Việt có lời nào biện bạch không? Chứng cớ đã rành rành ra đó, còn có gì để nói nữa, do đó vua xử Ly Việt ngồi tù 12 năm.

Mười hai năm, tức là bốn ngàn ba trăm tám chục ngày hơn chứ có phải ít đâu! Ly Việt La Hán trong suốt thời gian tù tội phải đảm nhiệm công việc quét dọn nhà lao và chùi rửa cầu xí cho sạch sẽ. Buổi tối, ngài dụng công chuyên cần tu thiền định, không bao giờ nằm xuống. Ngài từ bi nhẫn nại như thế nên đến cả mấy người cai ngục, người nào cũng hết sức cảm động.

Thời gian 12 năm tù đã mãn hạn, những người đệ tử ngày xưa tham thiền với ngài bỗng không hẹn mà cùng một lúc nhớ nghĩ đến sư phụ trong núi, tất cả bèn dùng thần thông quan sát, biết là sư phụ bị tù oan trong 12 năm trường.

Họ cưỡi gió bay về cung vua, trong không trung khua trống pháp để tỏ sự bất bình. Nhà vua nghe thế hết sức kinh ngạc, vội vàng tự tay phóng thích Ly Việt La Hán ra khỏi nhà giam.

Sau 12 năm tù đày, Ly Việt tóc thì dài râu thì trắng, nhưng khi ngài vừa bước chân ra khỏi cửa ngục thì râu tóc tự động rụng xuống đất, rồi còn bay lên không trung, biến hiện vô lượng hóa thân, mỗi hóa thân phóng ra ánh sáng rực rỡ. Thái độ an nhiên của ngài không giống một người mới được thả ra khỏi tù chút nào.

Lúc ấy, chư vị A La Hán muốn ra tay trừng phạt nhà vua làm việc không công minh, nhưng ngài Ly Việt ngăn lại:

- Các con không được ra tay, đây là nghiệp chướng của ta, không thể oán trách bất cứ ai khác.

Trong một kiếp quá khứ, ta là một người nông phu, có một con trâu đi lạc. Ta lên núi tìm nó, đi cùng hết núi tìm cũng không ra, mà lại gặp một vị xuất gia tu hành. Không suy

nghĩ gì thêm, ta liền nghi ngờ chính vị này ăn cắp trâu của ta. Trong suốt 12 tiếng đồng hồ ngày hôm đó, trong tâm ta khởi đầy vọng niệm, ta muốn đuổi vị ấy ra khỏi núi, ta muốn bắt vị ấy đưa lên vua để vị ấy bị giam cầm vào ngục tối... Ta đã tạo nghiệp ác, khiến kiếp này phải bị 12 năm tù oan.

Giống như chuyện cho vay ăn lãi, thời gian càng lâu thì tiền lãi càng cao, quả báo ta phải bồi thường lên tới 8 000 lần số "nợ" ta đã mượn.

Ta chỉ hận tại sao lúc đó không làm gì ích lợi cho người khác, không phát tâm bố thí rộng rãi, có phải là kiếp này đã tiêu nghiệp chướng rồi không?

Các vị mới chứng quả A La Hán, nhà vua và đại thần nghe Ly Việt kể lại chuyện xưa như vậy, ai nấy đều tỉnh ngộ và đều hiểu rằng nguyên tắc nhân quả là một nguyên tắc bất di bất dịch, không một ai có thể đứng ngoài nguyên tắc này.

2- ÁC KHẨU LƯỠNG THIỆT

Ngày xưa, có một ông trưởng giả rất giàu có, tiền muôn bạc triệu, tài sản xài suốt đời không hết, vợ lại vừa xinh đẹp vừa hiền đức, nên đã hạnh phúc ông lại càng hạnh phúc hơn. Nhưng niềm vui của ông ngắn ngủi, hạnh phúc thật vô thường, người ta chẳng thường nói "hoa không nở ba tháng, người không sướng ba năm" hay sao? Chẳng bao lâu sau, vị phú ông này từ từ bước vào hố thẳm của khổ đau. Không ai còn thấy ông với vẻ mặt hân hoan của những ngày hạnh phúc xưa nữa, tại sao vậy? Vì đứa con trai của ông mà ra cả.

Ông lập gia đình một thời gian lâu mới sinh được một đứa con trai, ngày đứa bé ra đời ông vui mừng không kể xiết. Nhưng bất hạnh thay, con ông mới oe oe chào đời là đã mắc bệnh nặng. Theo lời thầy thuốc chẩn bệnh thì đó là những mụn nhọt độc hại mọc trên da đứa bé khiến nó khóc cả ngày, thế mà danh y nào mời đến cũng đều lắc đầu chịu thua. Vì thế mà nét mặt ông càng ngày càng ủ dột buồn rầu.

Tội nghiệp đứa bé, rất nhiều thầy thuốc đã bó tay rồi, nó chỉ còn biết đêm ngày khóc la kêu đau, cuộc sống thật là khổ sở.

Tiếng khóc gào rên rỉ của nó làm náo động tới làng xóm, nên người ta đặt tên cho nó là thằng "Khóc Gào". Ngày qua như nước trôi, cuốn đi những năm tháng thơ ấu của Khóc Gào, chẳng bao lâu cậu đã lớn khôn, nhưng bệnh tật trên người thì vẫn chẳng hề bớt chút nào, đêm ngày cậu vẫn đau đớn, ai nghe tiếng rên khóc của cậu cũng phải buồn cho cậu. Gần nhà cậu có một ông hàng xóm già, nghe tiếng rên la đau đớn của Khóc Gào, trong lòng thấy bất nhẫn, bèn tìm đến nhà cậu thăm hỏi và nói với cậu rằng :

- Tôi nghe rất nhiều người về khen ngợi tán thán rằng tại Kỳ Viên tịnh xá có một vị Đại Y Vương, bệnh trên thân hoặc bệnh trong tâm của chúng ta Ngài đều có thể chữa trị được hết. Ngài có phương tiện thần thông nhiệm mầu, bệnh của cậu có trầm trọng đến đâu cũng sẽ tức khắc lành, cậu nên mau mau tìm đến Ngài cầu xin chữa bệnh.

Khóc Gào nghe người hàng xóm nói thế, vui mừng vô kể, vội mang tấm thân bệnh hoạn tìm đến Kỳ Viên Tịnh Xá xin được gặp Đức Phật.

Khi Khóc Gào nhìn thấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp và thân của Phật uy nghi sáng chói, cậu hân hoan tán thán ngay. Những đau đớn, khổ não của cậu giảm thiểu đi rất nhiều, lập tức gieo năm vóc xuống đất lễ bái Đức Phật.

Đức Phật từ bi chưa từng bỏ rơi bất cứ chúng sinh bệnh khổ nào, nên khi thấy Khóc Gào tới, Ngài rất hoan hỉ, bèn tuyên thuyết cho cậu những pháp môn thù thắng có năng lực diệt trừ tất cả mọi khổ não. Khóc Gào nghe Đức Phật thuyết pháp xong bèn sám hối tội lỗi. Lúc ấy nhọt độc đã hành hạ cậu trên mười năm qua lập tức tan biến, bệnh khổ của cậu hoàn toàn được tiêu trừ nên tâm cậu sinh khởi niềm cung kính hoan hỉ chân thành, cậu bèn cầu xin Đức Phật cho phép cậu được xuất gia làm tỳ kheo. Cậu tu hành tinh tiến, chẳng bao lâu đắc quả A La Hán.

Các vị tỳ kheo khác thấy tình cảnh của Khóc Gào như thế, thấy đó là điều rất hy hữu, bèn thỉnh Thế Tôn nói về nhân duyên khiến cho cậu phải chịu quả báo lúc trước. Đức Phật giảng cho các đệ tử nghe rằng:

- Vô lượng kiếp về trước, ở thành Ba La Nại có hai vị phú ông nọ. Bình thường hai người đã không ưa nhau và đố kỵ nhau, nên một trong hai người đem rất nhiều vàng bạc châu báu lên dâng tặng nhà vua. Khi nhà vua nhận những vật cống hiến của ông này rồi, thì rất quý trọng ông. Vì thế khi ông này phê bình ông kia trước mặt nhà vua, nói rằng "người ấy vô cùng hiểm ác, thường dùng mưu độc ám hại tôi, xin đại vương hãy nghiêm trị người ác để bảo vệ dân lành", thì nhà vua vốn đã nhận vật cống hiến rồi nên không còn sáng suốt nhận định, nhất nhất tin lời ông này và ra lệnh bắt giam, không đếm xỉa tới những lời biện hộ của người kia, còn đem ra tra tấn tàn khốc. Người này phải chịu tất cả những hình phạt đau đớn nhất, thương tích đầy thân như vẩy cá, phải nhờ gia đình xuất tiền chuộc tội mới thả cho ông về nhà.

Về tới nhà ông suy nghĩ không ngừng, thấy rằng con người vì có thân cho nên mới có khổ, mới bị lắm tai nhiều họa, mình và người kia không hề có oán thù chi mà họ lại có thể hại mình đến mức thân tàn ma dại như thế này. Không lâu sau, ông bỏ vào núi tu hành và thành Bích Chi Phật. Vị Bích Chi Phật phát tâm đại từ bi, sợ rằng người kia kiếp sau sẽ chịu quả báo đau khổ nên tới nhà người ấy thị hiện đủ loại thần thông, khiến người kia thấy những biến hóa bất khả tư nghì như thế, sinh tâm kính ngưỡng, lập tức thỉnh Bích Chi

Phật lên tòa ngồi và chuẩn bị đủ loại thực phẩm đặc biệt để cúng dường và sám hối tội cũ của mình đối với Ngài.

Đức Phật nói đến đây, ngừng một lúc rồi nói tiếp:

- Các ông phải biết cái người sàm tấu với vua chính là tỳ kheo Khóc Gào đã chịu khổ trong kiếp này. Sau, nhờ ân huệ của Bích Chi Phật, sám hối tội lỗi cũ, và nhờ công đức thành kính quy y Tam Bảo nên ngày nay được Như Lai cứu độ, mau đắc quả thánh.

Đừng nghĩ rằng những lời sàm tấu nói ra mà không ai biết. Nghiệp tội không trốn được, dẫu trong đường tơ kẽ tóc. Nhưng đã phạm tội như thế rồi mà biết sám hối thì có thể được cứu độ.

3- ÁC KHẨU VÀ QUẢ BÁO

Ngày xưa, trong thành Xá Vệ có một người nhà rất giàu, tên gọi là Sư Chất, đã hơn 40 tuổi rồi mà chưa có con. Hai vợ chồng rất lo lắng, đến nhà Bà La Môn xin bốc một quẻ bói xem sau này có sinh được đứa con trai hay con gái nào không? Nhưng họ vô cùng thất vọng nghe thầy bói trả lời rằng suốt đời họ sẽ không có con.

Sư Chất nghe thế không chịu tin, lại đi tìm một ông thầy tướng số khác, cao tay ấn hơn, nhiều kinh nghiệm hơn xin bốc quẻ. Lạ thay, vị thầy tướng này vốn được mọi người tôn kính và khen ngợi là bói linh như thần, lại cũng làm cho Sư Chất thất vọng.

Sư Chất đi về mà lòng phiền muộn, bỗng sực nhớ đến bậc đại thánh Thích Ca Mâu Ni, tự nghĩ:

- Đức Phật là giáo chủ của trời và người, là bậc nhất thiết trí, không có gì là Ngài không biết, không có gì là Ngài không hiểu, tại sao ta lại không đến gặp Ngài xin chỉ giáo?

Nghĩ đến đây ông bèn nhắm hướng Kỳ Viên tịnh xá mà đi. Cung kính đảnh lễ Đức Phật xong, ông chắp tay bạch :

- Bạch Đức Thế Tôn đại bi, xin Ngài thương xót chúng sinh ngu si mà chỉ giáo: con có chút ưu tư, năm nay đã hơn 40 mà chưa có đứa con trai nối dõi, đó là do nhân duyên gì, cúi xin Đức Phật khai thị.

Đức Phật trả lời:

- Không lâu nữa ông sẽ có một đứa con trai, vừa có phúc lại vừa có đức, chỉ có điều là khi nó vừa lớn nó sẽ xin xuất gia.

Nghe tin này Sư Chất rất đỗi vui mừng, thành tâm đảnh lễ chân Phật, rồi thỉnh cầu:

- Cầu xin Thế Tôn và chư tăng cho phép chúng con được cúng dường vào trưa mai, để chúng con được kết thêm thiện duyên và trồng chủng tử vào ruộng phước của Như Lai.

Đức Phật nhận lời rồi, Sư Chất hoan hỉ quay về chuẩn bị đàn trai. Hôm sau ông dẫn đầu gia nhân, chân thành cúng dường những món ăn thức uống ngon lành đẹp mắt nhất.

Đức Phật nhận cúng dường xong, thuyết một thời pháp rồi dẫn đầu tăng chúng quay về tịnh xá. Đi được nửa đường, Đức Phật và tăng chúng ngồi dưới một gốc cây bên bờ sông nghỉ ngơi. Bỗng từ trên cây, một con khỉ nhảy xuống xin mượn bình bát của Đức Phật. Nó ôm bình bát chạy đi thật xa rồi quay về, trong bình bát chứa đầy mật ngọt. Nó dùng hai tay kính cẩn dâng bình bát lên Đức Phật, Ngài nhận lấy và chia cho chư tăng dùng để con khỉ được nhiều phúc đức. Con khỉ thấy thế mừng rỡ nhảy nhót.

Không lâu sau nó đến ngày tận số, đầu thai làm người, sinh vào nhà của Sư Chất.

Lúc nó sinh ra, trong nhà phàm có vật dụng gì có thể chứa đựng thức ăn, thì vật dụng ấy bỗng đầy ắp mật và đường. Vợ chồng Sư Chất thấy điều quái dị, bèn do nhân duyên này đặt tên con là Mật Thắng.

Thời gian vùn vụt trôi mau như tên bắn, hơn mười năm trôi qua như trong nháy mắt, Mật Thắng nay đã lớn khôn. Chú bé chán ngán chuyện thế tục, xin phép cha mẹ cho mình được xuất gia, cha mẹ hết sức vui mừng mà trả lời:

- Lúc con chưa ra đời, Đức Phật đã biết sẽ có ngày hôm nay. Bây giờ con muốn xuất gia, cha mẹ rất hoan hỉ. Không bao giờ cha mẹ ngăn chặn con một cách vô lý.

Được cha mẹ hoan hỉ cho phép rồi, Mật Thắng đến Kỳ Viên tịnh xá xin xuất gia với Đức Phật. Nhờ có tiền duyên, Mật Thắng chứng quả rất mau.

Một hôm, thầy đang trên đường đi độ hóa với các bạn đồng tu, cảm thấy vừa nóng vừa khát lạ thường, ai nấy đều ao ước có một cái gì uống. Tỳ kheo Mật Thắng bèn cầm bát tung lên trời rồi sau đó dùng hai tay tiếp lấy bát trở về. Bấy giờ trong bát đựng đầy mật ngọt, Mật Thắng bèn chia cho chúng tăng giải khát.

Về tới tịnh xá, một vị tỳ kheo đi tìm Đức Phật xin thỉnh giáo:

- Trong quá khứ tỳ kheo Mật Thắng đã tu được phúc đức gì mà bây giờ bất cứ lúc nào, ở đâu cũng có thể có đường và mật?

Đức Phật trả lời:

- Các ông có nhớ có một lần lâu lắm rồi, có một con khỉ đem mật ngọt đến cúng dường Như Lai và chúng tăng không? Nhờ bố thí với thiện tâm, chết rồi nó được sinh ra làm người và nhờ nó chân thành cúng mật ngọt cho Phật nên kiếp này nó có thể được mật bất cứ lúc nào và ở đâu.

Đức Phật nói xong, vị tỳ kheo nọ hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn! Thế thì tiền kiếp Mật Thắng do nhân duyên gì mà bị đọa xuống làm khỉ?

Lúc ấy xung quanh Đức Phật có rất nhiều đệ tử vân tập, Ngài nhìn họ một lúc rồi đáp:

- Thầy ấy bị đọa xuống làm khỉ là do một nhân duyên xảy ra cách đây 500 kiếp trước, thời Ca Diếp Như Lai còn tại thế. Lúc đó có một vị tỳ kheo trẻ tuổi, tình cờ thấy một vị tỳ kheo khác đang băng qua một con suối nhỏ, vị trẻ tuổi bèn cười chế nhạo, bảo là dáng điệu của vị tỳ kheo kia giống hệt như con khỉ. Vị tỳ kheo trẻ tuổi đã phạm tội ác khẩu nên bị đọa xuống làm khỉ, nhưng sau đó thầy ấy biết lỗi lầm của mình, đến xin sám hối với vị tỳ kheo mà mình đã chế nhạo. Nhờ thắng duyên ấy mà kiếp này mới được gặp Phật và được Phật độ, chứng quả A La Hán một cách mau chóng.

Nghe đức Phật giảng xong, các vị tỳ kheo đều nhận ra rằng một câu nói ác cũng có thể chiêu cảm nghiệp khổ, vì thế không còn ai dám ác khẩu, ngay cả đến một câu nói đùa cũng không dám nói.

Bởi vì nhân quả không nhường bất cứ một người nào.

4- ÁC QUỶ

Đời xưa, có một người tốt bụng, thích làm việc thiện, và cũng là một vị Phật tử thuần thành. Ông thường lập đàn trai trong nhà để cúng dường chư tăng, cho nên thường thân cận nhiều vị thiện tri thức và các vị cao tăng.

Nhà ông ở ngay ven bờ sông Hằng, cách thành Xá Vệ chừng 30 dặm đường. Vì ông là người từ thiện, thích bố thí, nên người ở xa tới đâu cũng đến xin ông cứu giúp, và họ chưa bao giờ trở về tay không, vì thế nên người người xa gần đều tán thán ông. Nhưng ông lại có một người cha chỉ thích kiếm tiền một cách bất thiện, lão làm cái nghề táng tận lương tâm là mổ lợn bán thịt. Dầu con của lão vẫn thường hay khuyên can nhưng lão không hề có chút kiêng dè, trái lại còn trách con sao lại hay lập đàn trai cúng dường, sao lại thường cứu giúp người cùng khốn.

Bước tiến của thời gian chính là sự thử thách tốt nhất của cuộc đời, vì sau một thời gian dài, tội ác nào của con người cũng đều được phơi bày ra hết. Hành vi sát sinh của ông lão nọ đồn tới tai mọi người rất mau, ai cũng thấy rằng lão không nên tạo nghiệp sát như thế nữa. Rất nhiều vị tỳ kheo thường hay qua lại nhà lão cũng biết được việc này, cũng muốn đến khuyên can lão, nhưng vì cả nể lại muốn giữ tình giao hảo, nên không ai dám mở miệng nói câu nào.

Không lâu sau, lão sinh bệnh, và tuy mời nhiều vị thầy thuốc đến nhưng không ai chữa được, cho nên một buổi sáng sớm nọ, lão lìa đời trong một cơn đau đớn cùng cực.

Lão chết rồi, vì cái tội ác sát sinh nên đọa làm thân ác quỷ trên sông Hằng, đời có bao nhiêu thống khổ lão đều phải chịu hết.

Có một hôm, các vị tỳ kheo vẫn được con trai lão cúng dường lấy thuyền băng qua sông Hằng, ác quỷ bèn hiện ra nửa thân hình trên mặt nước đuổi theo bén gót, rồi chạy ra phía trước chận thuyền lại mà nói:

- Chúng bây là một phường tồi bại! Tao sẽ lật úp con thuyền này cho chúng bây chết chìm hết không đứa nào sống sót!

Các vị tỳ kheo ngồi trên thuyền nhìn thấy con ác quỷ quái dị như thế đã lấy làm lạ rồi, nay còn nghe hắn tuyên bố những lời trên lại càng không hiểu gì hết. Trong số các vị ấy, có một vị tuổi cao hơn hết, đứng dậy hỏi:

- Nguyên do gì mà ngươi nói chúng ta là phường tồi bại? Tại sao lại còn muốn lật úp con thuyền chúng ta đang ngồi?

Ác quỷ lớn tiếng gầm lên trả lời:

- Lúc tao còn sống, con trai tao thường cúng dường chúng bây. Tao mổ lợn bán thịt, chúng bây biết tao làm việc phi pháp, mà không đứa nào răn bảo tao khiến bây giờ tao phải chịu bao nhiêu thống khổ như thế này. Tao muốn đòi mệnh chúng bây để chúng bây cùng chịu khổ với tao ở đây, có thế tao mới hả niềm căm hận!

Vị tỳ kheo lớn tuổi kia rất cảm thương mà trả lời rằng:

- Bây giờ ngươi đang chịu khổ, đúng là do nghiệp sát chiêu cảm! Ngươi nói muốn đoạt mệnh của chúng ta, nhưng làm như thế có ích lợi gì? Ngươi giết người, không phải chỉ có tác dụng làm cho nghiệp tội của ngươi thêm nặng mà thôi sao? Nếu ngươi bằng lòng sám hối, chúng ta có thể giúp cho ngươi được siêu độ.

Ác quỷ nghe ra và hiểu được những lời khuyên dạy của vị tỳ kheo, bèn ẩn thân bỏ đi. Con thuyền nhờ đó được thoát hiểm mà tiếp tục đoạn đường.

Về đến nhà, các vị tỳ kheo ấy cùng người con trai của ác quỷ làm công đức hồi hướng và cầu siêu cho hắn.

Dựa vào pháp lực của Đức Phật, con ác quỷ được siêu sinh lên cõi trời, hưởng những phúc lạc của thiên giới.

5- BÀ CƯ SĨ NGỘ ĐẠO

Ở Ấn Độ có một ngôi chùa, bên cạnh chùa có một cây tùng thuộc giống tùng Ông Uất Bà Sa, vì thế nên người ta lấy cây đặt tên cho chùa, gọi là "chùa cây tùng".

Trong chùa có hơn một trăm vị tăng cư ngụ, mỗi ngày tu tập chỉ quán, họ tu hành rất tinh tiến dũng mãnh, vì thế thánh nhân đã chứng quả trong chùa không phải là ít.

Cách chùa cây tùng khoảng hai, ba dặm đường, có một bà cư sĩ tu tại gia. Bà thành tâm cung kính cúng dường các vị xuất gia đến mức cùng cực. Bà phát nguyện mỗi ngày thỉnh một vị tỳ kheo đến nhà cho bà được cúng dường, vì thế chư tăng trong chùa cây tùng luân phiên nhau đến nhà bà thọ cúng. Cúng dường xong, bà còn muốn được nghe chư tăng thuyết pháp khai thị cho, nên các vị tỳ kheo tuổi cao đức trọng, tinh thông liễu giải Phật pháp thì hoan hỉ chấp nhận, nhưng vì bà cư sĩ này cũng có thông hiểu Phật pháp đôi chút, nên các vị tỳ kheo sức tu học ít ỏi thiếu sót thì lại không mấy gì muốn đến nhà bà.

Trong chùa cây tùng có một vị tỳ kheo tên là Ma Ha Lô, cuối đời mới xuất gia, tuy tuổi rất cao nhưng sự hiểu biết về Phật pháp rất là ít ỏi, chỗ thâm sâu của pháp thì cố nhiên là mù tịt, nhưng ngay cả chỗ cơ bản tối thiểu ông cũng không biết.

Một hôm, đến phiên ông đi thọ cúng, ông dĩ nhiên không hề muốn đi chút nào vì tự biết mình không biết thuyết pháp khai thị cho ai. Ông từ chối, đẩy người khác đi thế, nhưng đẩy tới đẩy lui mà chẳng ai nhận lời đi thế ông, ai cũng bảo rằng :

- Tới phiên ông thì ông đi đi chứ, đẩy người khác đi thế là nghĩa thế nào?

Cuối cùng ông thầm nghĩ rằng:

- Ta là tăng sĩ, là phúc điền, lẽ ra phải nhận sự cúng dường của người ta, khiến cho người ta được dịp vun bồi ruộng phước và trưởng dưỡng gốc thiện. Tuy ta không biết thuyết pháp, nhưng không ai chịu đi thì tốt nhất là chính ta đi vậy.

Vị tỳ kheo già bèn chống gậy lần mò từng bước chầm chậm lên đường. Bà cư sĩ ở nhà chờ thật lâu, lòng nóng như lửa đốt vì đã đúng ngọ rồi mà vẫn chưa thấy ai tới. Khó khăn lắm lão tỳ kheo mới lại tới, bà cư sĩ ngắm ông lão từ xa dáng điệu đạo mạo nghiêm trang, da dẻ hồng hào, đầu tóc bạc phơ, trong lòng cảm thấy vô cùng tôn kính, vội vàng lễ lạy thưa hỏi:

- Ngài là bậc trưởng lão tuổi cao đức trọng, được ngài quang lâm tệ xá, đệ tử cảm thấy vô cùng vinh hạnh!

Bà một lòng nghĩ rằng vị lão tăng này nhất định phải là một vị trí huệ thâm sâu, sẽ có thể bố thí cho bà những bài pháp vi diệu vô thượng, vì thế bà hoan hỉ không kể xiết, vội vàng bày ra những món ăn tuyệt mỹ nhất cúng dường lão tỳ kheo.

Cúng dường xong, bà thỉnh lão tỳ kheo ngồi lên toà cho bà đảnh lễ, và quỳ dưới đất, bà thỉnh ngài thuyết pháp khai thị.

Vị tỳ kheo đăng bảo tòa rồi, trong lòng xấu hổ muôn phần, thấy mình thật là ngu si một cách đáng thương vì không hề biết gì về Phật pháp. Không có cách nào khác, ông thở dài một tiếng nói nhỏ:

- Cái ngu si của con người đúng là gốc rễ của muôn phiền não!

Nói xong, ông bước xuống bảo toà bỏ đi. Bà cư sĩ đang quỳ dưới đất, cảm thấy đây là bài pháp vô thượng vi diệu nhất mà bà được nghe từ trước đến nay. Bà suy nghĩ kỹ lưỡng như sau*: ngu si có nghĩa là vô minh, mà vô minh là căn bổn của mười hai nhân duyên; vì có cái căn bổn vô minh này nên con người ở mãi trong bể khổ, sinh sinh tử tử triền miên không ngừng trong luân hồi, tất cả mọi khổ não đều do đây mà phát khởi*. Bà cứ mãi tinh tiến tư duy như thế không ngừng nên ngay lúc ấy chứng quả A La Hán.

Chứng được quả vị rồi, bà cư sĩ muôn phần hoan hỉ, vào kho lấy ra một tấm thảm dạ lớn màu trắng để cúng dường vị lão tỳ kheo, nhưng bà tìm khắp nơi không thấy vị này. Sự thật là vị này xuống toà xong là bỏ về chùa cây tùng ngay, nhưng bà cư sĩ tìm không thấy nên đinh ninh là ông có thần thông, vội đem lễ vật cúng dường lên chùa.

Lão tỳ kheo về chùa rồi, có người vào báo có bà cư sĩ đến tìm, ông nghĩ bà này lại muốn nghe pháp nữa nên không chịu ra tiếp. Bà cư sĩ cứ khăng khăng muốn gặp, nên người vào thông báo lúc nãy rất lấy làm khó xử, hỏi bà:

- Chẳng hay bà nhất định gặp vị ấy để làm gì vậy?

- Ngài ấy đã giúp tôi giải thoát căn bổn của khổ, vì thế tôi muốn cúng dường cảm tạ.

Khi lão tỳ kheo biết bà không đến để đòi nghe pháp mới chịu ra nhận cúng dường.

Nghe thế mới biết, một pháp hay tất cả pháp, khi nhân duyên tụ tập đầy đủ, chỉ cần một hai câu là người nghe có được lợi lạc lớn, một đời thọ dụng cũng không hết. Nhân duyên chưa đầy đủ thì dẫu lời nói như hoa sen tuôn khỏi miệng cũng chỉ phí công vô ích.

6- BÀ LÃO BỘC

Trưởng giả Tu Đạt tại thành Xá Vệ nước Ấn Độ là một vị "đại thí giả", hễ có người nghèo khổ bần cùng đến cầu xin ông cứu giúp, ông liền làm cho người ấy được toại ý. Nhất là đối với Tam Bảo thì ông lại càng cung kính tôn thờ, thường cúng dường Đức Phật và chư tăng.

Trong nhà ông trưởng giả Tu Đạt có một bà lão bộc làm công, rất trung thành với chủ và làm việc rất siêng năng, nên được trưởng giả một lòng tín nhiệm. Chìa khóa nhà kho, vựa lúa đều do một tay bà nắm giữ.

Bà lão bộc này tính nết rất keo kiệt, mỗi khi thấy chủ nhân lấy từ kho ra bao nhiêu là tiền bạc của cải để bố thí cho người là trong lòng bà không khỏi cảm thấy tiếc rẻ.

Nhưng điều làm cho bà bất mãn hơn cả là lúc bà thấy Đức Phật và chư vị đệ tử đến nhà trưởng lão thọ cúng dường. Bà thấy lúc đó trưởng giả vô cùng nhiệt thành, hoan hỉ nghênh tiếp và cúng dường Đức Phật. Tâm ganh tị như thiêu như đốt khiến bà ghét Đức Phật thậm tệ. Có một hôm bà còn lập ác nguyện rằng:

- Tôi vĩnh viễn không muốn thấy mặt Phật, không muốn nghe ông ta thuyết pháp cũng không muốn thấy mặt mấy ông tỳ kheo.

Thật là chuyện tốt không ai hay, mà chuyện xấu thì ai cũng biết, nên tin bà lão bộc phát ác nguyện chẳng mấy chốc lan truyền khắp mọi nơi.

Lúc ấy, hoàng hậu Mạt Lợi nghe kể lại, rất lấy làm phật ý. Hoàng hậu biết trưởng giả Tu Đạt là một vị Phật tử thuần thành, thì làm sao lại dung dưỡng trong nhà một bà nô bộc bất kính Tam Bảo như thế? Do đó, hoàng hậu hạ lệnh bắt trưởng giả phải cho bà mượn bà lão bộc đến hoàng cung giúp việc nhân dịp bà lập đàn trai cúng dường Đức Phật.

Trưởng giả Tu Đạt dĩ nhiên không dám trái lệnh hoàng hậu, đằng này mục đích lại là giúp cho việc cúng dường đức Phật thì ông lại càng tình nguyện hơn nữa. Trưởng giả lập

tức dùng mâm vàng đựng đầy trân châu, sai bà lão bộc đem đến hoàng cung để cúng dường đức Phật. Hoàng hậu ra ý, chủ nhân truyền lệnh, bà lão bộc đâu dám không tuân! Khi Mạt Lợi phu nhân thấy bà lão bộc này, bà nghĩ phải thỉnh Đức Phật dạy dỗ con người tà kiến như thế mới được!

Bà lão bộc đem trân châu đến dâng lên hoàng hậu rồi, vừa mới quay người tính lui đi thì Đức Phật từ cửa chính bước vào, theo sau là các vị đệ tử của Ngài. Bà lão thấy Đức Phật bước vào đâm ra bối rối, cất bước lên tính trốn bằng cửa sau, thì quái lạ thay, Đức Phật cũng lại từ cửa sau bước vào. Lần này bà cuống cuồng lên, tính chạy bằng cửa bên hông nhà, nhưng cũng lại thấy Đức Phật đứng ngay ở ngưỡng cửa bên hông. Bà lão bộc thấy tứ phương tám hướng đâu đâu cũng có Đức Phật và chư vị đệ tử đứng, bà tiến hay lùi gì cũng khó khăn, đành phủ phục xuống đất. Nhưng trên mặt đất, bà vẫn thấy tôn tượng của Thế Tôn. Bà vội vàng dùng hai bay bịt kín lấy mắt, để mắt mình không gặp hình ảnh của Đức Phật nữa nhưng trong khoảnh khắc, mười ngón tay của bà đều hiện lên hình Phật. Bà không cần biết hậu quả ra sao, ba chân bốn cẳng chạy về, trốn vào một căn nhà nhỏ, những tưởng là sẽ không còn thấy Đức Phật nữa. Nhưng như trước, trong gian phòng đen tối ấy, đâu đâu cũng có Đức Phật nên bà lão bộc rất lấy làm đau khổ.

Lại nói đến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở hoàng cung, Ngài không nói gì về thái độ vô lễ của bà lão bộc, chờ thọ cúng xong xuôi mới nói với La Hầu La:

- Bây giờ con có thể đi hóa độ cho bà lão ban nãy. Bà ấy với con có nhân duyên lớn, bà ấy sẽ tiếp đón con nồng hậu và sẽ chấp nhận sự giáo hóa của con.

Tôn giả La Hầu La tuân lệnh Đức Phật đi ngay, ngài từ biệt Như Lai rồi đến nhà bà lão bộc nọ, đứng trước nhà kêu cửa.

Bà lão đang trốn trong nhà, chợt nghe một giọng nói hòa nhã thân thiết bèn vội vàng chạy ra mở cửa nhìn xem là ai. Có lẽ trong lòng còn hoảng hốt, lại hoa mắt nên thấy ngài La Hầu La, bà ngỡ là người từ cõi trời xuống.

Bà lễ lạy và đối xử với La Hầu La như thần thánh, tôn giả bèn dùng thái độ trang nghiêm thuyết cho bà lão nghe pháp thập thiện.

Bà lão nghe rồi, hối hận những lỗi lầm đã tạo trong quá khứ, và nói:

- Ngài là chúa tể cõi trời, ngài quả là cao cả, vì thế nhân chúng con mà thuyết thiện pháp vi diệu để lợi lạc chúng sinh, ngài thật là phi thường hơn mấy ông tỳ kheo kia nhiều!

Lúc ấy, La Hầu La biết bà đã bớt tâm ngã mạn, mới trả lời:

- Pháp của Phật mới là thanh tịnh, mới là từ bi quảng đại. Pháp mà tôi mới nói ban nãy là do thầy tôi dạy. Phận tôi nhỏ nhoi không đáng kể, làm sao so sánh với bậc đại thánh Như Lai được?

Lão bà nghe những lời ấy, định thần nhìn kỹ lại ngài La Hầu La, lúc đó mới tàm quý hổ thẹn không biết làm sao để chui xuống đất. Bà hối hận, bà tự trách, rồi bà khẩn cầu ngài La Hầu La giúp bà sám hối với Đức Phật và can thiệp cho bà được xuất gia.

Phật pháp vốn bình đẳng, giữa người cao sang như vua chúa hay người bần tiện như nô tỳ không hề có sự sai khác.

Bà lão bộc nọ, sau khi đến trước mặt Phật sám hối rồi, bèn xuống tóc xuất gia làm tỳ kheo ni.

Bà chuyên tâm tu học nên chứng được quả vị rất mau lẹ. Có người thấy thế, bèn đến xin Đức Phật thuyết giảng về nhân duyên quá khứ của bà lão bộc này.

- Xa xưa kia, thời Phật Bảo Cái Đăng Vương có một vị thái tử xuất gia học đạo với Như Lai. Thật ra, vị hoàng tử này tu hành trì giới rất tinh chuyên, nhưng lại lầm lạc theo đường tà. Về sau hoàng tử gặp một vị tỳ kheo, vị tỳ kheo này thuyết pháp dẫn đạo rất hay, nhưng hoàng tử không những không tán thán còn đem lời phỉ báng, bởi vì tuy trì giới nhưng lại rất ngã mạn tà kiến. Do đó chết rồi đọa ác đạo, chịu đủ hết mọi sự thống khổ trong địa ngục, nay tuy sinh thân người nhưng lại chịu phận nô bộc.

Vị hoàng tử thời nọ chính là bà lão bộc trong kiếp này và vị tỳ kheo bị hủy báng kia chính là ta trong quá khứ.

Các vị đệ tử của Đức Phật nghe xong, họ thấy rõ ràng là không thể tạo khẩu nghiệp, nhất là hủy báng người khác, vì quả báo xấu xa của tội này, dẫu có tu hành trì giới cũng không ngăn chận được.

7- BA LUỒNG ÁNH SÁNG TRẮNG

Trong quá khứ có một người sống tại một vùng núi non hẻo lánh, nên từ nhỏ không hề được giáo dục, chưa từng nghe Phật pháp, chỉ biết cần kiệm làm bổn phận cho qua kiếp con người. Bởi vì phước báo quá ít ỏi nên cho đến già mà vẫn còn nghèo nàn cùng khổ.

Lên tới 60 tuổi, sau nửa năm bệnh hoạn, ông tiều tụy yếu ớt hẳn, biết trước sẽ không còn sống lâu trên đời nên gọi hai đứa con đến bên giường bệnh cho ông dặn dò lần cuối. Ông bảo đứa con trưởng rằng:

- Em con còn nhỏ lắm, con thì đã biết làm việc rồi, con phải cẩn thận chăm lo cho em, con phải giữ trách nhiệm của người anh cả.

Vài ngày sau, ông rời bỏ nhân thế, rời bỏ khổ não khiến hai đứa con buồn khóc một thời gian.

Ba năm sau, người anh cưới một thiếu nữ cùng thôn làm vợ. Cô này cũng không có giáo dục, không biết tình nghĩa huynh đệ. Thấy chồng hậu đãi em, cô không bằng lòng. Cô thường nói với chồng rằng:

- Hay là chúng ta cho em của anh một vài thứ trong nhà rồi bảo nó tự lập kế mưu sinh. Hiện giờ nó hãy còn nhỏ, đương nhiên không làm sao được, mai mốt nó lớn lên phiền lắm, anh muốn đuổi nó đi, chưa chắc nó đã chịu đi!

Nhưng người anh vẫn còn cái tình nghĩa chất phác của người miền núi, lại còn nhớ rõ lời di chúc của cha nên mỗi khi nghe vợ nói như thế lại bịt tai lắc đầu lia lịa.

Tục ngữ nói rất đúng, gần đèn thì sáng gần mực thì đen. Sống cả ngày gần một người vợ tâm địa xấu xa, cứ thừa mọi dịp nói đi nói lại mãi những lời độc ác, dần dà người anh bị huân tập, làm sao không biến thành ác độc? Lời nói giả dối mà cứ lập đi lập lại mãi cũng trở thành chân thật, cuối cùng người anh cũng giống như vợ, bắt đầu ghét bỏ người em.

Một hôm, người anh nghe lời vợ, đem người em tới nghĩa địa rất xa thành phố. Đó là một nơi rất ghê rợn, vì theo tập tục Ấn Độ, cứ người chết đi thì đem tử thi vứt vào đấy cho chim chóc thú vật tới mổ rỉa mà ăn.

Nghĩa địa rất u ám, xương trắng ngổn ngang, luôn luôn có tiếng chim kêu thê lương như tiếng quỷ khóc trong địa ngục. Vào bên trong thì cái khí âm u của nghĩa địa làm cho người ta lạnh run lên. Vào sâu bên trong nữa có một ngọn cây tùng bách cao lên tới từng mây, cành lá chằn chịt che trùm cả khe núi. Người anh lấy ra một sợi dây thừng đã mang theo, trói thúc người em lại rồi treo lên một cành cây to lớn, vừa trói vừa bảo em:

- Không phải anh tàn nhẫn, nhưng nói thật em làm cho anh phiền lo nhiều quá. Em hãy ở đây suy nghĩ cho kỹ anh nói có đúng không, vài bữa nữa anh tới đón em về.

Nói xong, người anh quay đầu chạy mau trở về nhà, không màng tới tiếng kêu van xin bi thảm của em. Thật ra người anh rất mâu thuẫn, lòng thương em rất mực đã bị bà vợ dùng giọng nói nét mặt nghiêm khắc đàn áp xuống. Anh ta rất đau khổ nhưng không đủ sức chống đối lại vợ.

"Thôi, để cho nó đánh cuộc với định mệnh xem sao! Nếu nó thoát được miệng hổ lang thì đó là nó có phúc báo, còn nếu không thì coi như là số của nó đã định như vậy. Ta đối với nó như thế đã là từ bi lắm rồi, thay vì nghe lời vợ cầm dao giết nó!" Trên đường về, người anh nghĩ như thế để tự trấn an mình.

Trời dần dần tối. Trong màn đêm đen kịt, tiếng chim kêu thê thảm càng ngày càng nhiều. Rồi lại có thêm những âm thanh kỳ quái hỗn tạp cũng vọng lại, như báo hiệu yêu quỷ sắp xuất hiện. Đêm sâu dần, hổ, báo, sư tử, chó sói cũng lục tục kéo đến, rống lên từng hồi như muốn bắt hết hồn phách của người tạ Những tia mắt màu xanh lè, tham lam hung ác đổ dồn về phía gốc cây cổ thụ. Trên cây, người em cố hết sức dãy dụa khóc la:

- Cứu tôi với! Trời ơi! Thần thánh ơi! Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Nó la hét như một người điên cho đến nỗi máu tươi từ trong miệng trào ra.

Ngay lúc ấy, tại thành Vương Xá xa xôi, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang trụ trong Kim Cương Tam Muội. Ngài nghe tiếng kêu cầu của đứa trẻ đáng thương, và nhìn thấy rõ

tình cảnh nguy ngập mà nó đang lâm phải, nên Ngài dùng thần lực phóng ra một luồng ánh sáng từ giữa hai lông mày.

Trong nghĩa địa, bỗng nhiên có một luồng ánh sáng trắng kỳ dị chiếu tới khiến khe núi u ám rợn người ấy chợt rực sáng lên. Những con dã thú hung hăng bị luồng ánh sáng trắng chiếu tới, lùi dần từng bước, từng bước, có con quay mình chạy chí tử.

Lại có một luồng ánh sáng màu trắng khác mạnh mẽ hơn chiếu thẳng tới sợi dây thừng trên người đứa em, như thể bị chạm phải một ngọn lửa mạnh hay một lưỡi dao bén, sợi dây kêu lên răn rắc và đứt đoạn từng khúc một.

Tiếp theo lại có một luồng ánh sáng trắng thứ ba, dịu dàng chiếu lên thân đứa em. Nó như bị tê liệt rơi xuống đất, đau đớn nhức nhối ngất lịm đi. Bỗng nó cảm thấy như có người đang nhẹ nhàng vỗ về nó khiến cho nó cảm thấy thư thái lạ kỳ.

- Con thật là đáng thương, con phải làm sao đây?

Một giọng nói dịu dàng từ ái vang lên bên tai. Nó tỉnh lại và có một cảm giác lạ lùng khiến bao nhiêu đau đớn trong người tan biến hết. Ngẩng đầu lên nhìn, nó thấy một người cao lớn trang nghiêm đang đứng trước mặt nó, người ấy lại dịu dàng nhìn nó mỉm cười. Kinh ngạc quá độ, nó ấp úng không biết phải nói gì:

- Ngài là... ngài là...

- Ta là Phật!

- Uý! Phật tốt! Con nguyện sẽ làm Phật giống như Ngài để cứu mình và cứu người!

Đứa bé năm vóc gieo xuống đất khấu đầu lễ lạy. Đức Phật cho nó quy y và đưa nó về Vương Xá thành.

Từ đó, người em sống trong tăng đoàn, cùng chúng đệ tử của Đức Phật cùng nhau tu hành, nghe kinh thính Pháp, không lâu sau thì chứng được Vô Sinh Pháp Nhẫn.

Người em chứng đạo rồi thì rất nhớ tới anh, đến trước Đức Phật bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Anh con tuy đã có lòng ám hại con, nhưng nhờ thế mà con được gặp Phật và được Phật độ. Như vậy, thành tựu hôm nay của con là nhờ anh con. Nay con muốn về độ hóa anh ấy, nên con xin phép Thế Tôn cho con vắng mặt một thời gian.

- Rất tốt! Ta rất khen thưởng ý kiến của con.

Người em bèn dùng thần thông bay trở về nhà của anh, bà chị dâu thấy được, vội vàng chạy vào nhà trốn. Bà tưởng rằng người em bị hại nhưng không chết nên nay trở về báo thù.

- Anh chị ơi, anh chị không cần chạy trốn. Em không oán hận anh chị chút nào mà còn muốn tạ ơn anh chị nữa. Nhờ anh chị mà em gặp được ân sư là Đức Phật, chứng được quả vị, liễu thoát sinh tử. Em đặc biệt trở về đây để cám ơn anh chị.

Em cũng hy vọng anh chị có thể tu học Phật đạo để sớm thoát khổ. Tài sản, của cải cho đến tính mệnh của chúng ta trên thế giới này rất là vô thường, nếu làm đủ cách để truy cầu chúng thì dẫu có được đi nữa, cũng có ngày chúng cũng sẽ bỏ chúng ta mà đi. Anh chị nghĩ kỹ xem, có gì thật sự thuộc về chúng ta đâu? Hãy bỏ chúng đi, lấy cái tâm tưởng và tinh lực để truy cầu chúng dành cho việc truy cầu Phật pháp, vì đó mới là kho tàng chân thật. Kho tàng này mới thật sự vĩnh cửu không bao giờ mất, đem lại cho chúng ta tài bảo và niềm an vui nữa.

Những lời nói ấy làm cho vợ chồng người anh như bừng tỉnh mộng, nhất là lòng khoan hồng độ lượng của người em, đã không oán trách lỗi lầm xưa mà còn lo nghĩ tới niềm phúc lạc của họ nữa. Đó chính là sức mạnh đã giúp họ có can đảm sám hối tội đã làm.

Chỉnh đốn việc gia đình nhà cửa xong xuôi, cả ba cùng sánh vai nhau tiến về hướng Trúc Lâm tịnh xá.

8- BÀI HỌC CHO NGƯỜI HÁO SẮC

Có một cặp vợ chồng kia sống tại một nơi hẻo lánh của Ấn Độ, vì muốn cầu thiện tri thức nên không ngại đường xa vạn dặm, dọn về thành Xá Vệ tìm kế sinh nhai. Hai vợ chồng đều có một cái tên rất là đẹp, chồng tên là Lạc Tu, vợ tên là Hân Kiến. Chồng thì tinh tiến tu trì Phật pháp, vợ thì xinh đẹp như thiên nữ, người nào đã từng quen biết với cặp vợ chồng này, khi nói về họ cũng đều không tiếc lời khen ngợi.

Hân Kiến không những xinh đẹp còn phúc hậu hiền lành, khiến rất nhiều người hiếu kỳ muốn được nhìn thấy mặt người tiên. Nhưng khổ thay, Hân Kiến không bao giờ bước chân ra khỏi cổng, sợ mình là nguyên nhân mang tới cái họa thị phi. Chỉ khi nào các vị tỳ kheo thánh nhân đến nhà nàng mới chịu đích thân tiếp đãi và lễ kính cúng dường. Danh tiếng nhan sắc của nàng vang lừng khắp nơi, xa gần không ai là không nghe nói đến và tấm tắc khen ngợi.

"Danh thơm đưa đến sự ganh tị, nhan sắc đưa đến tai họa". Nhan sắc mỹ lệ của Hân Kiến suýt chút nữa đã là nguyên nhân cái chết của hai vợ chồng.

Có một ông vua tên là Tự Tại, nghe đồn về nhan sắc của Hân Kiến, cũng muốn được một lần nhìn xem nàng xinh đẹp tới mức nào. Một hôm ông hỏi vị đại thần thân cận nhất:

- Có cách nào cho ta được thấy nàng không?

Vị đại thần trả lời:

- Hai vợ chồng họ đã quy y Tam Bảo, đã thọ năm giới, nghiêm trì giới luật, bình thường rất ít khi ra khỏi nhà. Phu nhân Hân Kiến bình thường không chịu tiếp một ai, nếu đại vương nhất định muốn nhìn thấy mặt phu nhân, thì chỉ có một cách là giả làm tỳ kheo, lúc ấy phu nhân Hân Kiến mới bằng lòng tiếp đãi.

Vua Tự Tại làm đúng lời khuyên của vị đại thần, giả dạng làm một người tu hành đến nhà của Hân Kiến, quả nhiên được nàng tiếp đãi một cách nhiệt thành. Về lại nhà, ông

không phút giây nào là không nhớ nghĩ đến nàng, vì trong đời ông chưa từng gặp một người đẹp như thế. Ông bèn nghĩ làm cách nào để có thể sống chung với mỹ nhân mãi mãi, nhưng biết làm sao đây? Ông lại tìm đến vị đại thần nói trên để vấn kế, vị này trả lời :

- Tuy hai vợ chồng là người tu hành và lại là người từ xa đến đây sinh sống, song đã cư trú ở nước này thì đều là thần dân của đại vương. Nếu đại vương cho triệu họ đến gặp mà không đến là họ không tuân thánh chỉ, là có tội phải phạt, lẽ nào họ không sợ tội hay sao? Thần còn xin tâu thêm rằng, tại một nơi cách đây hơn ngàn dặm, có một cái hồ rất lớn, trong hồ ấy có mọc những đóa hoa sen ngũ sắc, nếu có ai muốn hái những đóa hoa sen ấy phải vượt qua ba loại tai nạn, một là rắn độc, hai là ác thú, ba là giặc cướp. Chúng ta không có lý do gì tự nhiên bắt tội người ta, nhưng nếu cứ khống chế cho là họ có tội, thì đại vương chỉ cần kêu Lạc Tu đi hái những đóa hoa sen ấy về, tự nhiên hắn sẽ táng thân mất mạng. Đại vương, nếu muốn bắt mỹ nhân Hân Kiến, thì đây là một giải pháp có thể giúp đại vương thành tựu được ý nguyện.

Vua Tự Tại lúc ấy không còn nhân tính, tâm tư đã hoàn toàn bị tham dục sai sử, không còn biết đâu là lương tâm, là lẽ trời, nên cứ đúng theo lời khuyên của vị đại thần mà thi hành. Ông lập tức cho triệu Lạc Tu vào cung, hỏi rằng:

- Khanh là thần dân của ai?

- Thần là thần dân của đại vương.

- Đã là thần dân của ta, vậy thì tại sao từ trước đến nay không đến bái kiến ta?

- Thần tự thấy mình ngu si dốt nát, từ trong bùn lầy nước đọng sinh ra nên không dám đến bái kiến đại vương.

Vua Tự Tại sa sầm nét mặt:

- Ngươi có biết không đến bái kiến vua là có tội hay không?

- Xin đại vương bớt giận, thần đã tự biết lỗi của mình rồi.

Vua Tự Tại khấp khởi mừng thầm, thấy kế hoạch của mình sắp thành công, hình bóng của mỹ nhân sắp xuất hiện trước mắt mình, bèn nói tiếp:

- Ngươi đã tự biết lỗi, ta sẽ không xử tử ngươi. Nhưng ta đang muốn một vật này, nếu như ngươi mang về được cho ta thì ta sẽ xá tội cho ngươi.

Lạc Tu hỏi:

- Thần sẵn sàng làm những gì đại vương sai bảo, nhưng không biết đại vương muốn sai thần đi đâu và mang những gì về cho đại vương, xin đại vương chỉ dạy rõ ràng.

- Cách đây hơn ngàn dặm đường có một cái hồ lớn, trong ấy có mọc những đóa sen ngũ sắc ngạt ngào hương. Ta chỉ cần ngươi hái về cho ta một đóa thôi. Nhưng ta căn dặn ngươi, ngươi phải trở lại trong vòng bảy ngày. Quá thời hạn bảy ngày ta sẽ kết tội ngươi chậm trễ.

Lạc Tu về nhà, đem tất cả mọi sự kể cho vợ nghe. Hân Kiến nghe xong buồn bã nói:

- Tai nạn của chàng hôm nay là do nhan sắc của thiếp mà ra. Đức Phật đã từng nói, tam giới không phải là nơi chắc chắn, ta chỉ có thể nương tựa vào giới luật mà thôi. Khi ra đường, chàng phải niệm thầm danh hiệu Phật, không phút giây nào quên lãng. Có như thế mới có thể biến họa thành phúc được. Nhưng nếu chẳng may chàng có bề gì, thiếp sẽ xuống tóc xuất gia, quyết vì chàng thiếp sẽ không bao giờ tái giá.

Hân Kiến chuẩn bị lương khô cho chồng mang theo và hai người từ biệt nhau. Đây là một cuộc chia tay đau đớn, nhưng họ không bịn rịn khóc lóc như người thường. Lạc Tu sửa soạn đâu đó xong xuôi là lập tức lên đường, hướng thành ngoại mà ra đi.

Từ khi ra khỏi cửa đi ròng rã được bốn ngày, Lạc Tu mới gặp phải chuyện chưa từng thấy. Hôm ấy, đương trời sắp tối, trên con đường hoang vắng, bỗng có một bọn cướp kéo đến rất đông đảo, trong tay cầm nào gươm nào đao, nào thương nào kích, trông hung dữ bạo tàn rất ghê rợn. Lạc Tu thấy họ thì chỉ một lòng niệm thánh hiệu của Phật. Tướng cướp chận đường hỏi:

- Ê, mi là ai? Dám cả gan tới đây làm gì?

- Tôi tên là Lạc Tu, là đệ tử của Đức Phật, phải tới đây để hái hoa sen ngũ sắc.

Lạc Tu trả lời một cách cứng cỏi. Nghe chàng tự xưng mình là đệ tử của Đức Phật, thái độ và giọng nói của bọn cướp thay đổi hẳn, họ trở nên tử tế và hiền hòa:

- Trước vua đã gởi nhiều người tới đây hái hoa, nhưng chúng tôi căm hận vua trị nước không công minh nên chúng tôi giết hết những người ấy rồi. Huynh không phải là người có tội mà bị vua ra lệnh tới đây. Chúng tôi tuy là một lũ giặc cướp nhưng tuyệt đối không hại đệ tử của đức Phật, huống chi huynh là người vô tội? Ngay giờ phút này chúng tôi xin thả huynh đi, nhưng trên đường đi như thế, huynh sẽ phải gặp rắn độc và ác thú, chưa chắc đã tránh khỏi bị chúng làm hại. Thôi thì bây giờ huynh không cần phải đi, chúng tôi sẽ đi hái hoa thay huynh, sau đó huynh có thể bình an mà trở về. Chúng tôi làm như thế vì cũng có chút kính trọng đối với Đức Phật, và nếu chúng tôi giúp đỡ cho đệ tử của Ngài thì sau này chúng tôi có thể chia được một chút phúc đức. Xin huynh ở lại đây chờ một chút.

Không lâu sau, họ đem hoa sen ngũ sắc về, không phải chỉ một đóa hoa mà là rất nhiều hoa, Lạc Tu không thể nào khuân nổi. Bọn cướp bèn gởi người khuân giúp Lạc Tu và hộ tống chàng về tới cửa thành mới chia tay.

Khi Lạc Tu vào yết kiến vua Tự Tại, vua kinh ngạc tột độ khi thấy chàng đã về tới bình yên vô sự, bèn hỏi rằng:

- Trên đường đi khanh đã gặp những gì? Làm sao khanh lại có thể về tới mau chóng như thế?

Lạc Tu không dấu giếm, đem tất cả mọi chuyện ra kể cho vua Tự Tại nghe. Vua nghe rồi, xấu hổ mà rằng:

- Bọn cướp là cái phường không biết phải trái, vì thế ngày thường vẫn gia hại khách buôn qua lại. Vậy mà khanh được họ giúp đỡ, khanh đã cảm hóa được họ, khanh hẳn phải là người rất thiện lương. Đáng xấu hổ thay cho ta đang trên cương vị một ông vua mà không biết phân biệt thiện ác, không rõ đúng sai, bọn giặc cướp mà còn biết kính trọng

khanh và khinh thường ta nữa là! Khanh là người được bọn đạo tặc tôn kính, thế mà ta lại lập kế mưu hại khanh, ta thật là sai quấy!

Lúc ấy vua Tự Tại thật sự cảm thấy xấu hổ, bèn sám hối với Lạc Tu và phát nguyện quy y Đức Phật thọ trì ngũ giới, sửa chữa sai lầm cũ, xây dựng một tương lai thiện lành, và trở thành một vị đại hộ pháp của Đức Phật.

Về sau vua Tự Tại dùng đức độ nhân từ mà trị dân, bọn cướp bỏ nghề cũ trở về với đời sống lương thiện, quốc gia vì thế mà trở nên thái bình an lạc.

Sự thật, chính là vợ chồng Lạc Tu đã chân thành tu hành Phật pháp nên mới cảm hóa được mọi người.

9- BẢY NĂM TRONG CHẬU MÁU

Công chúa Tu Ba Bà Sa, vợ của vua Câu Lợi Da là một người đàn bà có tín tâm sâu dầy, bà mang thai trong 7 năm trời. Một hôm bà đau bụng từng cơn, rồi những cơn đau ấy trở nên kịch liệt, ròng rã suốt 7 ngày. Tuy đau đớn như thế, bà vẫn suy nghĩ như sau :

- Vì muốn giúp cho người ta thoát những nỗi khổ như thế này nên Đức Phật thuyết pháp, và chúng đệ tử của Ngài, cũng vì muốn thoát khỏi những khổ đau như thế này nên mới tu hành. Niết Bàn không có khổ, Niết Bàn là một nơi vô cùng an lạc.

Bà nương vào ý nghĩ trên mà nhẫn nhục chịu đựng, rồi nhờ chồng đến chỗ của Đức Phật cho bà nhắn lời thăm hỏi và cho Ngài biết tin tức của mình.

Đức Phật nghe nhắn lại lời bà thăm hỏi, bèn nói:

- Hỡi công chúa Tu Ba Bà Sa, vợ của vua Câu Lợi Da, nguyện cho bà an lành, nguyện cho bà bình an mà sinh con trai khoẻ mạnh.

Đức Phật vừa nói như thế xong, quả nhiên công chúa bình an sinh hạ được một cậu con trai mạnh khoẻ. Chồng bà trở về nhà, thấy con trai mới sinh, nói rằng thật là bất khả tư nghì! Ông cảm thấy uy thần của Như Lai thật là hy hữu, không thể nghĩ bàn được.

Công chúa Tu Ba Bà Sa sinh xong, muốn cúng dường Đức Phật và chư đệ tử của Ngài trong suốt 7 ngày, nên lại nhờ chồng đi thỉnh mời Thế Tôn.

Lúc ấy Đức Phật cùng chư đệ tử đang ở nhà một vị đồ đệ của tôn giả Đại Mục Kiền Liên thọ cúng. Muốn cho Tu Ba Bà Sa được cơ hội cúng dường, nên Thế Tôn sai người đến nhà tôn giả, nói với tôn giả hãy nhận lời mời, rồi cùng chư tỳ kheo đến nhà bà Tu Ba Bà Sa thọ cúng trong suốt 7 ngày. Đến ngày thứ bảy, Tu Ba Bà Sa chưng diện cho con trai là thái tử Tất Bà Lợi, và đem con ra lễ bái Đức Phật và chư tỳ kheo. Đảnh lễ xong, bà đem con đến chỗ của tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả nhìn đứa bé gật đầu và hỏi:

- Tất Bà Lợi, ngươi có khoẻ không?

- Bạch tôn sư! Con làm sao khoẻ được? Con ở trong chậu máu suốt bảy năm trời kia mà!

Rồi cậu tiếp tục đàm luận như thế với tôn giả Xá Lợi Phất. Tu Ba Bà Sa nghe cậu nói chuyện, trong lòng hớn hở nghĩ rằng: *con mình mới sinh chưa đầy 7 ngày mà đã có thể đàm luận với tôn giả Xá Lợi Phất, là vị đệ tử lớn nhất của Đức Phật!*

Đức Phật hỏi:

- Tu Ba Bà Sa! Bà có còn muốn một đứa con trai như thế nữa không?

Công chúa thưa:

- Bạch Thế Tôn! Cho con 7 đứa con trai như thế này nữa con mới thấy đủ!

Đức Phật chia vui với bà, nói lời chúc mừng rồi ra đi.

Hoàng tử Tất Bà Lợi được 7 tuổi thì quy y với Đức Phật, đầy 20 tuổi thì thọ cụ túc giới, giữa những người làm việc thiện cậu là người đứng đầu, và khi cậu chứng quả A La Hán thì đại địa phát âm thanh.

Một hôm, chư tỳ kheo cùng nhau tập họp ở pháp đường đàm luận:

- Các vị pháp hữu! Trưởng giả Tất Bà Lợi thật là một người làm việc thiện đệ nhất! Chắc hẳn ngài đã lập thệ nguyện từ xa xưa, nay lại sẽ chứng quả A La Hán. Nhưng do nghiệp dĩ nào mà ngài đã phải ở trong chậu máu suốt bảy năm trời, và chịu 7 ngày đau đớn mới sinh ra đời, khiến hai mẹ con đều phải chịu tận cùng của sự thống khổ?

Vừa khéo, đúng lúc ấy Đức Phật bước vào và hỏi:

- Chư tỳ kheo, các ông tập họp ở đây để bàn luận việc gì vậy?

Các tỳ kheo nói lên vấn đề và thỉnh ý Thế Tôn. Đức Phật nói:

- Này chư tỳ kheo, Tất Bà Lợi, người làm việc thiện đệ nhất, ở trong chậu máu suốt 7 năm và chịu 7 ngày đau đớn mới sinh ra đời là do túc nghiệp của ông ấy. Tu Ba Bà Sa chịu

cái khổ thai nghén trong 7 năm trường và chịu cái khổ đau đớn trong suốt 7 ngày mới lâm bồn, cũng là do chính nghiệp đời trước của bà mà ra.

Đức Phật nói tiếp:

- Ngày xưa có một ông vua thành Ba La Nại, Bồ Tát chọn nơi này đầu thai nên hoàng hậu sinh được một hoàng nam. Khi hoàng tử đến tuổi trưởng thành, thì đi đến thành Đắc Xoa La để học tất cả mọi ngành nghề. Lúc ấy nước Câu Tát đem đại binh đến tấn công thành Ba La Nại, giết vua, cưỡng bức hoàng hậu về làm vợ. Hoàng tử nước Ba La Nại thấy vua cha bị giết thì chạy trốn bằng đường hầm bí mật, chiêu tập binh mã, trở về thành Ba La Nại, đóng binh ở một vùng phụ cận và gởi thư đến nhà vua nói rằng "Hãy trả ngôi báu lại cho tôi, nếu không thì hãy cùng tôi giao chiến". Nhà vua gởi thư trả lời "Sẵn sàng giao chiến".

Mẹ của hoàng tử nghe tin này, cũng viết thư cho con nói rằng: *"Giao chiến không có ích lợi, nên vây hãm thành Ba La Nại, cắt đứt mọi đường giao thông ở bốn phía, khiến cho nước, củi và lương thực không vào thành được, chờ cho dân chúng kiệt quệ và khốn đốn, thì không cần đánh thành cũng sẽ rơi!"*

Hoàng tử nghe lời mẹ, trong 7 ngày cắt tuyệt mọi đường giao thông, phong tỏa các cửa thành. Dân trong thành thấy mọi đường giao thông bị cắt tuyệt, đến ngày thứ bảy thì đem thủ cấp của vua hiến cho hoàng tử. Hoàng tử tiến vào thành tiếp lấy ngôi vua, về sau y theo nghiệp báo của mình mà đầu thai vào chỗ phải sinh.

Vì trong 7 ngày cắt tuyệt mọi đường giao thông, phong tỏa kinh thành để chiếm đoạt ngôi báu, nên phải chịu quả báo 7 năm trong chậu máu, 7 ngày mới sinh ra đời. Nhưng ông đã từng quỳ dưới chân Tối Thắng Bạch Liên Như Lai mà nói mình muốn trở thành "sở đắc đệ nhất nhân", đã từng hành đại bố thí hồi hướng cho nguyện ấy, rồi dưới thời Tỳ Bà Thi Như Lai ông lại cúng dường cho tất cả dân chúng trong thành một ngàn lượng bánh sữa cũng để hồi hướng cho nguyện ấy. Nhờ những công đức như thế nên nay ông đắc được chuyện gì cũng ở ngôi vị đệ nhất mà được.

Lại bà Tu Ba Bà Sa, vì đã viết thư khuyên con bảo lấy thành bằng cách phong tỏa các cửa, nay phải chịu 7 năm thai nghén, chịu cái đau đớn sinh sản trong suốt 7 ngày.

Đức Phật nói chuyện quá khứ ấy xong, lại nói tiếp:

- Thời ấy, người phong tỏa kinh thành để lấy ngôi báu là Tất Bà Lợi, mẹ ông là Tu Ba Bà Sa, và cha của ông, vua nước Ba La Nại, chính là ta vậy.

Một lời nói, một hành động, nếu không cẩn trọng, thì khổ đau sẽ theo đó mà kéo đến.

10- BIẾT TỤNG KINH KIM CANG BẰNG TIẾNG PHẠN

Vợ của quan đại phu Tư Nguyên Thôi Nghĩa, họ Túc, con gái của Túc Khanh. Túc Khanh là cháu của Túc Nghi Xạ.

Túc thị, vợ của Thôi Nghĩa, tuy sinh trưởng trong một gia đình phú quý, nhưng là một người hay ganh ghét, hay sân hận, thường dùng roi vọt đánh đập tỳ nữ, không tin nhân quả luân hồi.

Vào đời Đường Cao Tông Lân Đức nguyên niên, Túc thị theo chồng là Thôi Nghĩa đến sống ở Lạc Dương, tới tháng giêng năm thứ hai thì chết.

Lúc Túc thị còn sinh tiền, có đứa nô tỳ cưng tên là Nhuận Ngọc, vừa đúng 18 tuổi, tuy thuộc giòng tộc man rợ nhưng tướng mạo đoan trang xinh đẹp, mà còn rất thông minh. Chủ nhân cô, Túc phu nhân, không tin Phật Pháp nhưng cô thì lại rất tin.

Qua tháng hai, gia đình nhà họ Thôi thỉnh chư tăng đến dùng cơm chay và đồng thời cầu siêu tuần tam thất cho phu nhân.

Hôm đó, mọi người đang ngồi ăn cơm thì tỳ nữ Nhuận Ngọc bỗng thấy Túc thị trở về, cổ đeo gông, lưng đeo khóa, lại còn bị vài tên ngục tốt kéo đi, nhưng người khác thì lại không thấy gì cả, chỉ có Nhuận Ngọc là thấy được mà thôi. Hồn ma của Túc thị nhập vào người của Nhuận Ngọc, cô này tức thời mở miệng nói bằng giọng của Túc thị:

- Từ khi tôi về làm dâu nhà họ Thôi tính tình dữ dằn, vừa sân hận vừa ganh ghét, thích đánh đập tỳ nữ, không tin nhân quả, nên bây giờ chết phải đọa địa ngục, thọ tội báo vô cùng nặng nề. Tôi đã phải chịu trăm vạn nỗi thống khổ, hôm nay biết được gia đình tổ chức tuần tam thất, vì tôi mà thỉnh chư tăng và lập đàn chay tạo phúc, vì thế tôi cầu xin quan ngục cho tôi được thả ra một ngày, tạm về nhà xem việc đàn chay, đồng thời nói một vài điều với các con tôi và tất cả mọi người trong nhà, già trẻ lớn bé.

Từ trước tôi sống chung với các người, luôn luôn hung hăng dữ dằn, muốn làm chi là làm loạn làm càn, còn thích dùng roi vọt đánh đập người nhà, ghen tức với những tỳ nữ tốt của chồng tôi. Lúc còn sống tôi luôn luôn tạo nghiệp ác, nên hôm nay chịu quả báo khổ, không biết ngày nào thoát ra được.

Hôm nay tôi xin các con tôi cùng tất cả nhà, nội ngoại thân thuộc, cho tôi được sám hối với từng người một, xin mọi người tha thứ cho tôi.

Xin các con tôi niệm tình sinh dưỡng mà đem tất cả nữ trang, tiền bạc của tôi lúc sinh tiền, thay mặt tôi làm việc phúc đức, thiết lễ trai tăng, cúng dường tăng ni, cho tôi thoát được sự thống khổ.

Làm như thế 7 tuần tức là 49 ngày, trai tăng viên mãn, tôi lại có thể xin quan ngục thả cho tôi ra một ngày nữa, về gặp chồng con nói chuyện. Chồng tôi tính tình cũng nóng nảy, hay nổi giận, sau này không được đánh đập nô tỳ nữa, nên khuyến khích mọi người quy y Tam Bảo, cung kính bậc tôn trưởng, trì giới, chay tịnh, nhẫn nhục, bố thí.

Chuyện tôi muốn nói đến đây là xong, nhưng tôi muốn đem Nhuận Ngọc đi theo tôi xuống địa ngục cho nó xem cảnh tôi bị hành tội như thế nào, thống khổ ra sao, sáu bảy ngày nữa tôi sẽ thả cho nó về nhà.

Tỳ nữ Nhuận Ngọc nói bằng giọng của Túc thị vừa dứt lời bèn ngã lăn ra bất tỉnh không còn biết gì nữa, chỉ có vùng tim là có hơi ấm, ngoài ra khắp cả người đều lạnh như băng, nhưng gia nhân không dám đem cô đi mai táng.

Nhuận Ngọc vừa bất tỉnh, linh hồn cô đi theo Túc phu nhân xuống địa ngục, thấy một cái điện thật to, cửa điện có binh lính đứng canh, có vẻ như là điện của vua. Cô không dám đứng lại xem xét, đi một mạch tới viện phía đông, lại thấy một sảnh đường, trong sảnh đường có một vị quan lớn, có vẻ như là vị quan phán tội.

Băng qua sảnh đường thì tới đông viện, nơi đây có đủ loại dụng cụ tra tấn, giống như các tranh vẽ về địa ngục mà cô đã từng trông thấy. Tới đây Túc phu nhân nói với Nhuận Ngọc rằng :

- Ngươi hãy xem ta thọ tội thống khổ tới mức nào!

Dứt lời, có ngục tốt với đủ loại hình thù quái dị cùng quỷ la sát v.v.. xông tới, ném thân của Túc phu nhân lên một phiến gỗ lớn, rồi khoa dao mổ lợn cắt bằm loạn xạ, xong lại ném bà vào vạc nước hoặc vạc dầu chiên chiên, luộc luộc. Sau đó, Túc phu nhân trở lại nguyên hình, họ lại đưa bà đi các chỗ trong ngục tối, dùng kềm sắt kéo lưỡi, thả quạ sắt tới mổ mắt, ném bà lên giường sắt núi dao, làm mồi cho chim sắt, lửa dữ. Bà chết đi rồi sau đó sống lại để chịu khổ nữa, những cảnh đau đớn như vậy không làm sao nói hết được!

Túc thị phu nhân chịu đủ các thứ hình phạt như thế rồi, bỗng cha bà là Túc Khanh cưỡi tòa sen bằng vàng tím từ không trung hạ xuống.

Lúc còn tại thế, trong suốt thời gian làm quan, Túc Khanh không ăn thịt uống rượu, kiên cữ cả năm loại hành tỏi, thường đọc tụng kinh Pháp Hoa, cung kính Tam Bảo, hiện thời ông đã sinh về thế giới của Phật. Biết con gái đã bị đọa địa ngục, ông bèn xuống cứu giúp.

Túc Khanh nói với con gái rằng:

- Lúc còn tại thế, ta thường dạy con tin Phật, dạy con đừng sân hận, nhưng con không nghe lời ta nên mới có quả báo ngày hôm nay, nhưng tại sao con lại đem tỳ nữ đến đây nữa?

Túc phu nhân trả lời:

- Cũng vì lúc sống con không tin Phật, ngày nay chịu tội, nên con đem tỳ nữ xuống đây chứng kiến cảnh con đau đớn ra sao, để nó về kể lại cho người trong nhà nghe cho họ tin Phật, thế thôi.

Túc Khanh nghe thế, gật đầu rồi nói:

- Tuy ta sinh trong cảnh giới Phật, nhưng dẫu có hết sức cũng không giúp đỡ cho con được, con hãy nương nhờ vào sự giúp đỡ nhân duyên phúc đức người nhà con, ta hy vọng ta sau này sẽ hết khổ được vui, con hãy làm thế nhé!

Túc Khanh vừa dứt lời thì trên không trung bỗng nhiên có một vị phạm tăng bay xuống, cũng nói với Túc thị:

- Bà không tin nhân quả nên thọ khổ như thế này, nhưng cô gái này thì làm sao đây? Ta muốn dạy cho cô tụng kinh, để người trên dương gian phát lòng tin.

Túc phu nhân nói:

- Nó thông minh lắm, có thể học kinh được.

Vị phạm tăng bèn dạy Nhuận Ngọc tụng kinh Kim Cang, nhưng là bằng âm phạn chứ không phải bằng tiếng Trung hoa. Dạy không bao lâu cô đã tụng được trôi chảy, âm vận thành thạo, vị phạm tăng dặn dò cô rằng:

- Cô trở về nhà rồi, gặp người ta thì cô tụng kinh nhưng người Trung Quốc sẽ không hiểu là cô tụng những gì. Cô nên tìm một người từ Tây Vực biết tiếng Phạn, rồi tụng cho người ấy nghe. Người đời bây giờ phần đông tin tà giáo, không tin Phật Pháp. Nếu họ biết cô không học mà tụng được kinh bằng tiếng phạn, họ sẽ sinh lòng tin. Nếu có được một người bỏ tà quy chánh thì đó là nhờ công đức của cô đấy!

Vị phạm tăng nói xong bèn đưa Nhuận Ngọc trở về nhà. Nhuận Ngọc tỉnh lại, liền cho triệu tập người trong nhà, đem cảnh phu nhân thọ khổ dưới địa ngục kể lại tường tận.

Lại sợ con cái của phu nhân không tin, cô kể tiếp việc Túc Khanh đến để cứu giúp phu nhân, và việc phạm tăng dạy cô tụng kinh ra sao, nhất nhất kể hết. Cô còn tụng kinh Kim Cang bằng tiếng phạn, âm thanh rất rành rọt. Cả nhà già trẻ lớn bé thấy câu chuyện chưa từng thấy chưa từng nghe này, không ai là không hồi tâm hướng thiện, tin Phật và chay tịnh.

Rồi cũng tại năm ấy, có bốn vị phạm tăng từ Tây Vực đến Trung Quốc, đem theo một mảnh xá lợi xương đỉnh đầu của Phật. Tướng quân Tiết Nhân Quỹ bèn thiết trai cúng dường trong nhà. Người trong quyến thuộc của tướng quân cùng rất nhiều quan viên cùng đến dự tiệc chay. Một vị quan nói:

- Nhà của đại phu Thôi Tư Nguyên có đứa tỳ nữ Nhuận Ngọc biết tụng kinh Kim Cang bằng âm phạn, chúng ta nghe không ai hiểu, hay là mời cô ta đến đây tụng cho các vị phạm tăng này nghe?

Tiết tướng quân bèn sai người mời Nhuận Ngọc đến, cô tụng kinh cho bốn vị phạm tăng nghe, họ nghe rồi tỏ vẻ kinh ngạc và chắp tay khen ngợi cô, tấm tắc cho là chuyện hy hữu, hỏi rằng:

- Làm sao người nhà Đường có thể tụng kinh bằng âm phạn?

Người thông dịch viên đem chuyện của Nhuận Ngọc ra kể hết cho các vị phạm tăng nghe.

Nghe xong, họ vô cùng kinh dị và tán thán. Các vị quan cùng người tăng kẻ tục trong bàn tiệc, không ai là không sinh tâm hy hữu. Tiết Tướng quân đem sự việc này tâu lên vua Cao Tông, vua tức thời hạ chiếu thư khuyến khích quan quân, thần dân đều nên tin Phật Pháp, vì thấy rằng trong tất cả các vị thánh hiền, Phật và Bồ Tát là những bậc cao tột nhất.

Do đó, các quan văn võ cùng trăm họ trong dân gian không ai là không tin Phật Pháp.

11- BỘ TRI CA TỈNH NGỘ

Lúc Đức Phật còn tại thế, trong thành Xá Vệ có một người rất giàu tên là Bộ Tri Ca, cha mẹ qua đời sớm, vì thế thuở ấu thời không được giáo dục đàng hoàng.

Bộ Tri Ca tính tình lì lợm cứng đầu, động một tí là nổi cơn tam bành. Ông không có một người bạn thân nào vì không ai dám lại gần ông.

Bộ Tri Ca không tin Đức Phật, nhưng đối với lục sư ngoại đạo thì lại cung kính lễ bái. Về sau ông mắc phải một cơn bệnh rất ngặt nghèo.

Ông đau đớn không kể xiết, nhưng không có lấy một người đến chăm sóc cho ông. Cả những vị ngoại đạo vốn được ông lễ kính, cũng chả có một người nào đến thăm hỏi.

Trong phút hấp hối, Bộ Tri Ca mới tỉnh ngộ ra rằng tính tình của mình quá ư thô bạo, suốt đời chưa từng kết giao với một người bạn nào, nên hôm nay lâm bệnh nặng không ai đến hỏi han, chăm sóc. Ông bèn nguyện rằng, giá như có một người nào có thể cứu ông khỏi bệnh, ông thề sẽ suốt đời phụng sự người ấy để đền ơn. Ông lại nghĩ tiếp:

- Tính tình của ta không tốt như thế nên đã bị tất cả mọi người bỏ rơi từ lâu, bây giờ sẽ không ai thèm đối xử tử tế với ta cả đâu! Chỉ có Đức Phật mới từ bi bình đẳng, cứu khổ tất cả mọi người, không bỏ một chúng sinh đau khổ nào. Bây giờ ta muốn đi gặp Ngài quá, nhưng Ngài ở xa tít mù khơi, làm sao ta đi gặp Ngài được?

Bộ Tri Ca cứ một lòng suy nghĩ như thế mãi. Lúc bấy giờ ở ngoài thành Xá Vệ xa xôi trong Kỳ Viên tịnh xá, Đức Phật biết Bộ Tri Ca đã tỉnh ngộ và hối cải, cơ duyên được độ đã thành thục, bèn phóng một luồng ánh sáng từ bi chiếu đến thân Bộ Tri Ca, khiến ông lập tức cảm thấy mát mẻ. Được nhìn thấy hình ảnh Đức Phật trong ánh viên quang ấy, ông cũng cảm thấy tinh thần tỉnh táo hẳn. Ông biết rất rõ đây là ân huệ của Đức Phật ban cho mình, mừng rỡ không cùng, vội năm vóc gieo đất lễ bái Đức Phật từ xa.

Đức Phật dùng thần thông hiện trước mặt Bộ Tri Ca, ông thấy Thế Tôn thân hành giáng lâm, vừa kinh sợ vừa vui mừng, chắp tay đảnh lễ. Đức Phật hỏi:

- Ông thấy cái khổ nào là khó chịu nhất?

- Bạch Thế Tôn! Cái khổ của thân bệnh rất là khó chịu, nhưng con thấy cái khổ của tâm bệnh càng khó chịu hơn. Nay cả thân lẫn tâm của con bị lâm trọng bệnh, thân và tâm của con đều khổ và đều khó chịu!

Bộ Tri Ca trả lời.

Đức Phật bèn dùng thần thông vô biên quảng đại, chọn một phương thuốc thần diệu tên là Bạch Khổng đưa cho Bộ Tri Ca uống. Uống xong, bệnh khổ liền dứt trừ, thân tâm ông sảng khoái dị thường.

Bộ Tri Ca lành bệnh rồi nên vô cùng tin kính Đức Phật, ông mở một cuộc trai tăng với các phẩm vật thượng diệu nhất dâng lên Như Lai và chư tăng, rồi còn dùng quần áo giá trị cả triệu lượng vàng để cúng dường nữa.

Bộ Tri Ca lại còn phát thệ nguyện rộng lớn, nguyện đời đời kiếp kiếp về sau sẽ phụng hành đại bi, cứu chữa thân bệnh và tâm bệnh cho chúng sinh, khiến chúng sinh được an lạc.

Đức Phật nghe Bộ Tri Ca thề nguyện như thế bèn mỉm cười. A Nan tôn giả chắp tay thỉnh Đức Phật cho biết nguyên nhân nụ cười này, Đức Phật trả lời:

- Trưởng giả Bộ Tri Ca lành bệnh rồi là bèn lập đàn trai cúng dường, lại còn phát nguyện Bồ Đề, tương lai sẽ thành Phật, rộng độ chúng sinh không có hạn lượng, vì thế ta hoan hỉ mà cười.

Đức Phật không bao giờ bỏ rơi chúng sinh, cho dầu chúng sinh ấy là người như thế nào đi nữa. Chỉ cần người ấy tỉnh ngộ sám hối là có nhân duyên được độ, và được Đức Phật cứu giúp.

12- BỐN ĐỨA CON

Đức Phật A Di Đà ở thế giới tây phương Cực Lạc đã phát nguyện sẽ cứu độ chúng sinh trong biển khổ, chúng ta chỉ cần muốn siêu sinh thì Đức Phật A Di Đà chắc chắn sẽ đến tiếp dẫn, nguyện lực của Ngài to lớn thù thắng, không thể nghĩ bàn được.

Cách đây chừng hơn 2 000 năm, cũng chính là lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang thuyết pháp ở thế gian, có một vị nữ cư sĩ tại gia học Phật, rất chí thành tin tưởng và cung kính Như Lai. Mỗi buổi sáng bà đều đến gặp Đức Phật cung kính lễ bái, chưa bao giờ quên, chưa bao giờ lười biếng trễ nãi.

Một hôm, bà thỉnh Đức Phật đến nhà thọ cúng; Đức Phật biết tâm ý của bà nên cố ý hỏi:

- Bà thiết đàn lập trai cúng dường Phật, là vì muốn có được phúc báo gì?

Bà cư sĩ cung kính trả lời:

- *Nếu được phúc báo, con xin sinh được 4 đứa con.*
- *Tại sao lại muốn có 4 đứa con?*

Đức Phật từ bi hỏi.

- Bạch Thế Tôn, nếu con có 4 đứa con, thì khi chúng nó khôn lớn, đứa đầu sẽ buôn bán làm ăn, kiếm thật nhiều tiền. Đứa thứ hai sẽ cày ruộng làm rẫy, mỗi năm gặt hái được nhiều thóc lúa; đứa thứ ba, con sẽ dạy nó cố gắng chăm chỉ, tương lai làm quan vinh hiển tông môn, và đứa thứ tư thì con sẽ cho nó xuất gia học đạo, tu hành chứng thánh quả để tiếp độ cha mẹ cùng tất cả mọi người, lúc ấy con sẽ hoàn toàn mãn nguyện.

Đức Phật nghe bà kể những nguyện ước của mình xong, chấp thuận:

- Được, bà sẽ được như ý.

Bà cư sĩ mừng rỡ cúng dường Đức Phật xong, không bao lâu sau quả nhiên thọ thai, sinh được một cậu con trai. Đứa bé từ nhỏ đã thông minh lanh lợi, không giống với những đứa bé thường tình khác, nên được cha mẹ thương yêu như hòn ngọc trong tay.

Đứa bé theo thời gian mà lớn lên, tuy mẹ nó cầu xin có bốn đứa con nhưng không cho nó được đứa em nào hết. Bao nhiêu tình thương đáng lẽ phải chia cho bốn, bà đều đổ dồn hết lên đứa con duy nhất ấy.

Có một hôm trong câu chuyện, người mẹ kể cho con nghe chuyện mình cúng Phật cùng nguyện ước bốn đứa con của mình, và tại sao mình lại muốn như thế. Người con nghe mẹ kể xong thì khắc ghi lời của mẹ trong lòng. Lớn lên, cậu học làm ăn buôn bán. Nhờ thông minh lanh lợi nên không đầy một năm sau, kiếm được vô số tiền bạc tài sản, làm cho cha mẹ rất vui mừng. Sau đó, cậu không buôn bán nữa mà xoay qua làm nghề canh nông. Nhờ cậu chịu khó cần lao cầy cấy tưới tẩm, mức thu hoạch vô cùng dồi dào phong phú, hàng xóm láng giềng ai nấy đều khâm phục. Trong nhà nay đã có tài sản lại vừa có thóc gạo, họ đã trở thành một nhà đại phú hộ. Lúc ấy, cậu muốn hoàn thành nguyện vọng thứ ba của mẹ, tức là có một đứa con làm quan để rạng rỡ tông môn. Vốn là một người tài hoa nên xin ra làm quan không phải là việc khó, cậu làm quan lớn nên gia đình càng giàu sang thêm. Bây giờ có gì đáng buồn tiếc nữa đâu? Nhưng nguyện vọng lớn nhất của cậu vẫn chưa thành tựu. Sau một năm làm quan, cậu thưa với mẹ rằng :

- Mẹ à, bốn điều mà mẹ cầu nguyện, con đã hoàn thành được ba. Bây giờ chỉ còn lời nguyện cuối cùng, nếu hôm nay con xuất gia thì có phải là mẹ hoàn toàn mãn nguyện không.

Người mẹ biết con mình muốn xin xuất gia, thật ra đây cũng là ý của bà lúc đầu nên bà vui lòng ưng thuận. Người con mừng rỡ từ biệt cha mẹ, đến chỗ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xin xuất gia làm sa môn.

Nương nhờ công đức của Phật, cùng với thiện duyên của mình, thêm sự gia công tinh tấn tu hành, chẳng bao lâu cậu chứng quả, thành một vị đại A La Hán. Đắc đạo xong, cậu về nhà độ hóa cha mẹ cùng tất cả người nhà.

Từ đó về sau, cậu bước trên đường hoằng dương chính pháp, làm lợi lạc và thành tựu chúng sinh.

13- BỐN LOẠI PHƯỚC ĐỨC

Lúc Đức Phật còn tại thế, có một vị trưởng giả tên là Âm Duyệt, nhà rất giàu có, không có điểm nào đáng phàn nàn trừ một điều là tuổi đã cao mà chưa có đứa con trai nào, nên từ sáng đến tối ông cứ rầu rầu nét mặt.

Nhưng nhờ thiện căn đời trước nên một hôm, liên tiếp bốn loại phúc đức cùng đến với ông trong một lúc. Đó là : thứ nhất vợ ông sinh được một cậu con trai kháu khỉnh xinh xắn không ai bì kịp ; thứ hai trong chuồng ngựa có vô số ngựa trắng đều đồng thời sinh sản rất nhiều ngựa con khoẻ mạnh ; thứ ba, ông được vua phái người tới tận nhà phong thưởng chức tước ; thứ tư, những chiếc tàu buôn ông gởi ra nước ngoài tìm kho tàng đều về tới bến, thành công mỹ mãn.

Vị trưởng giả hoan hỉ vô cùng, ông nghĩ rằng đó là do chư thiên ban phúc cho mình nên phải tập họp gia tộc lại, làm một bữa tiệc cỗ cao lương mỹ vị cúng tế, tạ ơn lòng tốt của chư thiên.

Lúc ấy đương nhiên rất nhiều thiên vương cùng bát bộ thiên long và người cõi trời rải rác trong hư không, thấy vị trưởng giả phúc đức đầy đủ như thế, đều âm thầm tán thán. Đức Phật Thích Ca, cũng vì đời trước có chút nhân duyên nên cũng đến trước cửa nhà trưởng giả nói kệ cát tường:

Phúc đức trổ mạnh mẽ
Niềm vui tới một lúc
Do phúc đức đời trước
Nay đến lúc thành thục.

Âm Duyệt trưởng giả nghe pháp âm vi diệu của đức Phật Thích Ca, mừng rỡ chạy ra ngoài cửa cung kính lễ bái mà nói :

- Ngài là vị xuất gia được cả pháp giới này tôn kính bậc nhất, phúc tuệ song toàn nên độ hóa được chúng sinh trong cả mười phương thế giới! Hôm nay biết trước nhà tôi có may mắn vô hạn nên Ngài tới tận đây mà tán dương, lòng tôi thật vô cùng cảm kích!

Nói xong, bèn đem ra những tấm thảm nhung trắng loại thượng hảo hạng ra cúng dường Phật. Đức Phật tiếp nhận rồi bèn chú nguyện cho ông và còn từ bi khai thị rằng:

- Trên thế gian này, ngay trong bản thể của tiền tài vốn đã bị năm loại tai nạn nguy hiểm chi phối, nhưng người ta không biết cái đạo lý này nên cứ mong cầu không chịu biết đủ, tính toán chi li, đến khi chết đồng xu nhỏ cũng không mang theo được. Tiền tài như thế chỉ đem lại phiền não cho chúng ta mà thôi. Hôm nay nếu trưởng giả dùng cái tiền tài bất an ấy để bố thí cúng dường thì sau này phúc đức và chuyện vui nào cũng sẽ theo nhân duyên đó mà đến với ông.

Trưởng giả hỏi:

- Năm tai nạn nguy hiểm ấy là gì?

Đức Phật trả lời:

- Thứ nhất là không biết trước sẽ bị lửa thiêu cháy lúc nào; thứ hai là đề phòng nạn bão lụt không kịp; thứ ba là bị quan quyền dùng áp lực tịch thu mà không làm sao kháng cự; thứ tư là sinh con bất hiếu tiêu phí khánh tận gia sản ; thứ năm là đạo tặc vô tình cướp đoạt. Trong số năm tai nạn trên, bất cứ tai nạn nào xảy ra, gia sản cũng sẽ bị tổn thất ngay. Thí dụ nếu có một người phạm tội với quan quyền, thì không những bất cứ của cải nào của họ cũng bị tịch thu mà có thể còn bị giam cầm trong lao tù, cho đến cả bị xử tử nữa cũng không chừng! Lúc ấy, người đó làm cách nào để chống chọi hay bảo vệ tài sản cho được an toàn đây? Lại nói, kiếp trước có một người đã từng bố thí 7 lần, nhưng mỗi lần bố thí xong là đều vô cùng hối hận tiếc rẻ. Do không bố thí với tâm chí thành nên sau đó, người ấy tuy có vô số tiền của, nhưng cũng bị phá sản 7 lần.

Trưởng giả nghe thế, sinh tâm chí thành bố thí một cách hoan hỉ. Đức Phật nói xong cũng tức khắc quay trở về núi Kỳ Xà Quật.

Đồng một lúc ấy có một vị ngoại đạo tên là Bất Lan Ca Diếp, nghe nói đức Phật chỉ thuyết có một câu kệ cát tường mà được vô số thảm nhung trắng, bèn sinh tâm ganh tị, tìm cách bắt chước làm thử. Nhưng ông không biết nói kệ nên đến xin Đức Phật dạy chọ. Đức Phật biết trước trưởng giả Âm Duyệt trong tương lai sẽ mất hết tài sản lẫn phúc đức trong cùng một lúc, nên dùng lời khéo léo để khuyên can ngoại đạo, nhưng người này cho rằng đức Phật không chịu dạy cho mình nên cứ theo kèo nài năn nỉ mãi. Đức Phật có đại thần thông, thấy nhân duyên kiếp trước của Bất Lan Ca Diếp, biết nghiệp chướng không thể tránh được, nên nói với đại chúng tại chỗ rằng: "Tội không tránh được, có nợ phải trả". Rồi Ngài nói lên bốn câu kệ cát tường dạy cho Bất Lan Ca Diếp.

Không lâu sau, trưởng giả Âm Duyệt đã mất hết tài sản trong một trận hỏa thiêu, rất nhiều ngựa con cũng chết cháy trong cùng một lúc, đứa con trai quý bất hạnh yểu mệnh, đồng thời có người ganh ghét sàm tấu ông với vua, nên bao nhiêu chức vị được phong thưởng ngày nào nay đều bị tước lại. Chưa hết, những con tàu ông gởi đi kiếm kho tàng đều bị bão tố lật úp, cả vốn lẫn lời đều chìm sâu trong biển cả.

Đúng lúc ấy Bất Lan Ca Diếp hồ hởi phấn khởi đến trước nhà trưởng giả, mạnh miệng đọc to lên những câu kệ cát tường. Trưởng giả đang phiền não không có chỗ để phát tiết, đột nhiên nghe những câu kệ cát tường, ngỡ rằng Bất Lan Ca Diếp cố ý chọc tức mình, nổi giận mặt mày đổi màu từ trắng ra xanh, bất chấp hết thảy, thuận tay tóm lấy cây gậy dựng ngay bên cửa đánh Bất Lan Ca Diếp một trận túi bụi. Đáng thương cho Bất Lan Ca Diếp, trong thoáng chốc bị đòn nên thân, cả người bầm tím mang đầy thương tích, bò lê bò càng đau đớn trở về nhà. Nhưng tuy vậy vẫn chưa tỉnh ngộ, cứ ngỡ rằng tại đức Phật không chịu dạy kệ cho rõ ràng!

Lúc ấy đức Phật đang ở vườn trúc La Duyệt Tri thuyết pháp, ngài nói với đại chúng rằng:

- Bất Lan Ca Diếp hôm trước tới đây đòi ta dạy cho kệ cát tường, ta khuyên can mà không nghe, hôm nay lại đằng đó bị đả thương rồi !

A Nan hỏi Đức Phật:

- Bất Lan Ca Diếp và vị trưởng giả kia có nhân duyên gì với nhau mà bị quả báo ấy?

Đức Phật nói:

- Đó là tại có một nhân duyên rất lâu xa về trước, thời ấy có một ông vua tên là Âm Duyệt. Một hôm vua đang ngủ trưa, thì có một con chim anh vũ bay lên trên mái cung đình mà hót, tiếng hót nghe rất cảm động. Vua nghe nó hót vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, bèn hỏi người xung quanh rằng :"Đó là loại chim gì, sao nó hót nghe cảm động đến thế ?" Người xung quanh đáp "Có một con chim kỳ diệu, mới bay tới hót ở trên mái cung đình". Vua nghe thế, sai rất nhiều người đi lùng kiếm nó ở khắp mọi nơi. Lùng mãi rồi cuối cùng cũng bắt được, vua vui mừng không kể xiết, bèn dùng ngọc châu cơ, thủy tinh, lưu ly, trân châu, san hô, anh lạc v.v... rất nhiều châu báu như thế làm lồng cho nó ở, từ sáng tới tối giữ nó mãi bên mình không chịu lìa xạ Về sau có một con chim khác tên là mộc điểu, thấy thế bèn hỏi chim anh vũ rằng:

- Làm sao mà bạn được sung sướng tột cùng như thế?

Anh vũ đáp :

- Tôi tình cờ hót chơi giải buồn trên mái cung đình, vua nghe được cho rằng nghe cảm động, nên sủng ái tôi như thế.

Chim mộc ganh tức nói:

- Tôi có thể hót hay hơn bạn!

Lúc vua sắp ngủ trưa, chim mộc bèn bay trước cung đình hót rầm rĩ, vua giật mình tỉnh giấc, rởn tóc gáy, nổi giận hỏi người xung quanh :"Tiếng gì nghe rùng rợn như thế?" Người xung quanh đáp: " Đó là con chim mộc đang hót trước cửa". Vua chưa nguôi giận, lập tức ra lệnh bắt nó vặt lông và đánh cho một trận rồi mới thả về. Chim mộc bò ngả bò nghiêng trở về tổ, có rất nhiều chim khác thấy tình trạng của nó như thế thì kinh hoàng hỏi nguyên do, chim mộc không những không chịu nhận sự thật mà còn oán trách chim anh vũ mà nói với đồng loại rằng:

- Tại con chim anh vũ tôi mới ra nông nỗi này!

Đức Phật ngừng một lúc rồi lại nói tiếp:

- Âm thanh hay có thể đem lại phúc đức, âm thanh dở thì đem đến tai hoạ. Chim mộc tự làm hại lấy mình mà còn giận lây chim anh vũ. Vị vua thuở ấy chính là trưởng giả Âm Duyệt ngày nay, chim mộc là Bất Lan Ca Diếp trong quá khứ đã ganh tị với chim anh vũ nên bị đánh đập đau đớn, kiếp này cũng lại ganh tức với Phật, cũng lại bị nạn gậy gộc, chính vì cái tâm ganh tị thiêu đốt mà không chịu hối cải!

A Nan hỏi Đức Phật:

- Trưởng giả Âm Duyệt đời trước làm công đức gì mà lại được bốn loại phúc báo, và tại sao bây giờ phúc đức ấy lại bị tiêu mất?

Đức Phật trả lời:

- Trong đời trước, lúc còn trẻ, Âm Duyệt tin phụng Phật Pháp, chí thành cúng dường thánh chúng nguyện xin cho được giàu có. Quả nhiên về sau được như nguyện, nhưng khi cưới vợ rồi thì bất hạnh đâm ra đam mê tửu sắc, khinh mạn Tam Bảo. Đã thế còn không có tâm từ bi, không gieo trồng thiện căn, vì thế phúc báo của ông ta tan đi như bóng trăng đáy nước, hoa đốm trong không, biến mất trong nháy mắt.

Sau đó, thật đáng thương, sẽ bị vô hạn thống khổ bức bách, chịu tận cùng khổ báo rồi mới tiêu trừ nghiệp chướng được.

14- CA CHIÊN DIÊN NGHỊ LUẬN

Vâng theo lời dạy của Đức Phật, tôn giả Ca Chiên Diên, vị "luận nghị đệ nhất" trong hàng tăng chúng đã tuyên dương chủ trương "bốn tính bình đẳng". Nhưng rất đông Bà La Môn biết được, không ai tin phục tôn giả. Hễ có cơ hội là họ tìm đến Ca Chiên Diên để bài bác, vấn nạn ngài. Họ nghĩ rằng, nếu không đánh ngã những biện luận của tôn giả thì từ đây về sau, Bà La Môn sẽ có hy vọng không ngước đầu lên được nữa. Tuy nhiên, ngài Ca Chiên Diên rất giỏi biện luận, khi gặp một vị Bà La Môn, dẫu quyền uy tới đâu đến vấn nạn ngài, ngài chỉ cần dùng một vài câu ngắn gọn và đơn giản, thế là vị Bà La Môn nọ cuối cùng cũng phải vui vẻ mà thuần phục.

Có một hôm, tôn giả cùng các vị tỳ kheo bạn đồng tu, sắp bước vào trai đường bên cạnh hồ Ô Nê nước Ba La Nại dùng cơm, thì có một vị Bà La Môn lớn tuổi tìm đến khiêu chiến với ngài. Vị Bà La Môn già chống cây gậy, im lặng đứng bên cạnh tôn giả Ca Chiên Diên, những tưởng rằng khi nào Ca Chiên Diên nhìn thấy ông thì nhất định sẽ đứng dậy nhường chỗ cho ông ngồi. Nhưng nào có ngờ đâu, Ca Chiên Diên chẳng thèm ném cho ông một cái nhìn nữa. Ông kiên nhẫn đứng một hồi lâu, cuối cùng lớn tiếng trách mắng rằng:

- Mấy ông nghĩ sao mà thấy một vị trưởng giả lớn tuổi như tôi đến, lại không biết đứng lên mà nhường chỗ ngồi?

Các vị tỳ kheo nghe thế thì giật mình, nhiều người còn vội vàng đứng dậy nhường chỗ ngồi cho vị Bà La Môn già, duy chỉ có Ca Chiên Diên là chẳng chút động lòng, còn hỏi lại rằng:

- Ông là ai mà tới đây la hét ầm ĩ như vậy? Chúng tôi ở đây tôn kính phụng hành giáo pháp, nhưng tại chỗ này không có ai là trưởng giả hay là tiền bối của chúng tôi cả.

Vị Bà La Môn già nọ giận dữ đưa cây gậy đang cầm trong tay lên chỉ vào đầu tóc bạc phơ của mình mà hỏi:

- Số tuổi đã cao của ta không đủ cho ông tôn làm trưởng giả hay sao? Không đủ cho các ông cung kính tôn trọng hay sao?

- Ông? Ông không thể tự xưng là trưởng giả, cũng không được chờ đợi chúng tôi cung kính tôn trọng.

Ca Chiên Diên trả lời bằng một giọng nói nhẹ nhàng nhưng cương quyết. Vị Bà La Môn già giận dữ đến cực điểm, dùng cây gậy chỉ vào mặt Ca Chiên Diên mà mắng:

- Tại sao ông lại khinh người đến thế?

Ca Chiên Diên điềm nhiên trả lời rằng:

- Qua âm thanh, giọng nói của ông, và qua những cử chỉ thô bạo của ông, tôi nhận thấy rằng ông không xứng đáng được tôn làm trưởng giả, cũng không xứng đáng được người khác cung kính. Bởi vì cho dầu ông có là một vị Bà La Môn 8, 90 tuổi, tóc bạc răng long, nhưng nếu không hề tu hành một cách chân chính, còn đam mê sắc thanh hương vị xúc, chưa xả bỏ được những phiền não như tham, sân và ganh ghét, thì ông vẫn bị coi như trẻ nít. Còn giả sử ông là một thanh niên 20 tuổi, da dẻ chưa nhăn, đầu tóc đen nhánh, mà đã giải thoát được sự trói buộc của ái dục, đối với thế gian không có sự tham cầu, không có chút niệm tưởng bất bình nào, thì chúng tôi có thể xưng tán ông là trưởng giả, xem ông là người già dặn, xứng đáng cho chúng tôi thân tâm cung kính.

Vị Bà La Môn già nghe Ca Chiên Diên nói thế, không có lời lẽ nào để đối đáp, bèn lặng lẽ bỏ đi.